

## Phát triển Hành lang 21

### 2.11 Bưu chính viễn thông

#### 2.11.1 Dịch vụ bưu chính viễn thông hiện có

Mạng lưới bưu chính viễn thông ở Việt Nam bao gồm hệ thống bưu chính viễn thông chính quốc gia (liên tỉnh, trao đổi với quốc tế, hệ thống truyền tin), hệ thống phục vụ cho các nơi và hệ thống thiết bị đầu - cuối.

Mạng lưới bưu chính viễn thông Việt Nam được tổ chức và phát triển theo quy hoạch và được quản lý, vận hành theo các tiêu chuẩn, qui định kỹ thuật, các quy định hoạt động thống nhất do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc cho phép áp dụng trong quá trình cung ứng các dịch vụ bưu chính viễn thông cho toàn xã hội.

Nhà nước thống nhất việc tổ chức và quản lý hệ thống bưu chính viễn thông chính quốc gia.

Các dịch vụ bưu chính viễn thông bao gồm:

- |                   |                                  |
|-------------------|----------------------------------|
| a) điện thoại     | h) truyền tin điện tử            |
| b) điện tín       | i) các phương tiện thông tin     |
| c) telex          | j) điện thoại di động            |
| d) facsimile      | k) máy nhắn tin                  |
| e) truyền dữ liệu | l) internet                      |
| f) thuê kênh      | m) lưu trữ và cung cấp thông tin |
| g) truyền hình    |                                  |

Tổng cục Bưu điện ban hành những quy định và luật lệ về bưu chính viễn thông.

Mạng lưới bưu chính viễn thông chuyên dụng do một tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp thành lập và được sử dụng như một phương tiện thông tin dưới hình thức hội thoại hay phi hội thoại trong tổ chức, cơ quan, và doanh nghiệp đó.

Việc nối mạng lưới bưu chính viễn thông chuyên dụng với mạng lưới viễn thông công cộng cần phải đảm bảo những điều sau đây:

- (a) tiêu chuẩn kỹ thuật của mạng và thiết bị phải phù hợp với mạng lưới viễn thông công cộng;
- (b) tuân thủ các quy định về nối mạng và hoạt động của mạng.

Các tổ chức, cá nhân Việt Nam hay nước ngoài có nhu cầu lắp đặt, sử dụng, dự trữ các thiết bị phát thanh trong lãnh thổ Việt Nam và sử dụng giải tần cố định, lưu động, phát thanh, truyền hình, hàng không, đường thủy, vệ tinh và những lĩnh vực khác phải xin Tổng cục Bưu chính Viễn thông cho phép và được phép lắp đặt, sử dụng, dự trữ các thiết bị đó khi có giấy phép.

#### 2.11.2 Các vấn đề hiện nay trong khu vực

##### (1) Cung ứng dịch vụ

Khi xem xét hiện trạng dịch vụ bưu chính viễn thông ở Việt Nam, các vấn đề cốt yếu là các dịch vụ hiện có và khả năng cung ứng dịch vụ. Ở Việt Nam, các dịch vụ điện thoại cơ bản như điện thoại cố định, telex, điện tín đã có, nhưng các dịch vụ trị giá gia tăng như các dịch vụ ISDN chưa được cung ứng. Ngoài

ra, việc đáp ứng đầy đủ các nhu cầu sẽ là một vấn đề trong quá trình giải quyết bưu chính viễn thông. Mặc dù quy hoạch bưu chính viễn thông ở các khu vực Sơn Tây, Hoà Lạc, Xuân Mai, Miếu Môn sẽ tuân theo quy hoạch tổng thể bưu chính viễn thông của cả nước, Đoàn Nghiên cứu vẫn không thể tìm được một quy hoạch cụ thể cho khu vực dự án.

**(2) Chất lượng dịch vụ**

Chất lượng dịch vụ có đặc điểm: i) mức hoàn thành cuộc gọi thấp, ii) nhiều hỏng hóc liên tục trong quá trình hoạt động, iii) chậm sửa chữa hỏng hóc. Mức hoàn thành cuộc gọi là tỷ lệ phần trăm những cuộc gọi được trả lời. Tỷ lệ hoàn thành cuộc gọi sẽ tương đối thấp ở Việt Nam. Tỷ lệ hỏng hóc là số sai sót mỗi tháng trên 100 đường dây chính. Ở Việt Nam, tỷ lệ hỏng hóc sẽ tiếp tục tăng lên và thường xuyên. Thời gian sửa chữa hỏng hóc là một trong những chỉ số chất lượng chủ yếu liên quan đến hiệu quả bảo dưỡng. Con số đó có thể được chỉ ra bằng tỷ lệ phần trăm hỏng hóc được sửa chữa trong 24 giờ đồng hồ. Ở Việt Nam, tỷ lệ này sẽ tương đối thấp.

**(3) Đáp ứng đầy đủ nhu cầu**

Mặc dù chưa rõ khả năng cung cấp điện thoại hiện nay trên toàn lãnh thổ Việt Nam, có thể dự đoán rằng sẽ có một khoảng cách lớn giữa số lượng đường dây giao lưu trực tiếp và xin lắp mới.

**2.12 Nông nghiệp**

**2.12.1 Nông nghiệp vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng**

Tầm quan trọng của ngành nông nghiệp trong kinh tế vùng ngày càng giảm do các thành phần kinh tế phi nông nghiệp như dịch vụ và công nghiệp phát triển nhanh hơn nông nghiệp. Mức tăng trưởng kinh tế của nông nghiệp trong giai đoạn 1995 - 1996 chỉ còn một phần trăm, trong khi cũng trong giai đoạn đó toàn bộ nền kinh tế tăng ở mức 9,3%. Năm 1996, tỷ trọng nông nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế là 28,9%. Thu nhập bình quân đầu người hàng năm năm 1996 là USD 238 tính theo thời giá 1994.

Những mục lục chính về kinh tế nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng nằm trong Phụ lục (Phần 4) của báo cáo này.

**2.12.2 Tình hình nông nghiệp trong khu vực đã quy hoạch**

**(1) Khu vực Hoà Lạc**

Trong khu vực này, đất nông nghiệp như đất trồng lúa nước và nội đồng chiếm 63% tổng diện tích quy hoạch là 8.510 ha, trong đó lúa nước 1.690 ha và nội đồng 3.590 ha. Bên cạnh đất nông nghiệp còn có 940 ha rừng trồng gồm các loại cây bạch đàn và cây keo chiếm 11% tổng diện tích. Khu dân cư chiếm 9,6% tổng diện tích. Có thể nói khu vực Hoà Lạc là khu nông nghiệp với nhiều ruộng hoa màu.

Tại phần lớn các ruộng lúa nước áp dụng chế độ canh tác hai vụ lúa, có nghĩa là một vụ đông xuân và một vụ mùa mưa. Sản lượng lúa nước từ 4 đến 4,6

## Phát triển Hành lang 21

tấn/ha trong vụ đông xuân và từ 3 đến 3,9 tấn/ha trong vụ mùa mưa. Trên các vùng nội đồng có trồng các loại cây như sắn, khoai lang, lạc, ngô, đậu, mía, và các loại rau màu. Các hợp tác xã quốc doanh có trồng dứa và vải.

Chăn nuôi là nguồn thu nhập thứ hai của nhà nông sau trồng lúa màu. Có nuôi trâu bò để cày kéo, lợn và gia cầm để lấy thịt và trứng. Chăn nuôi gia súc trên quy mô nhỏ và nuôi trong chuồng.

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án quy hoạch xây dựng thành phố Xuân Mai - Hoà Lạc, 93% dân địa phương làm nghề nông. GRDP bình quân đầu người năm 1997 là 1,2 - 1,3 triệu VND/năm, trong đó từ 50-60% là từ nông lâm nghiệp, 25-35% là từ chăn nuôi và 13-15% từ thủ công và dịch vụ theo nghiên cứu sơ bộ về tác động trực tiếp kinh tế - xã hội của dự án Khu Công nghệ cao. Quy mô gia đình trung bình là từ 3 - 4 người.

### (2) Xuân Mai

Khu vực Xuân Mai có đô thị hoá hơn so với Hoà Lạc với khu dân cư 18% trong tổng diện tích, tức là 3.110 ha. Ruộng lúa nước chiếm 12,6%, vùng nội đồng chiếm 47,9% tổng diện tích. Cần lưu ý rằng diện tích trồng chè 320 ha chiếm 10,3% tổng diện tích. Sản lượng lúa là 4,4 tấn/ha trong vụ đông xuân và 3,2 tấn/ha trong vụ mùa mưa. Các điều kiện nông nghiệp khác cũng tương tự như khu vực Hoà Lạc.

### (3) Sơn Tây

Khu vực Sơn Tây là khu đô thị hoá hơn các khu quy hoạch khác. Theo quy hoạch tổng thể cho chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hoà Lạc - Sơn Tây của Bộ Xây dựng, trong tổng diện tích 920 ha, khu dân cư là 318 ha chiếm 34,6% tổng diện tích. Đất nông nghiệp chiếm 25% tổng diện tích, đất quốc phòng chiếm 20,3% tổng diện tích. Sản lượng lúa là 4 tấn/ha trong vụ đông xuân và 3,9 tấn/ha trong vụ mùa mưa. Các điều kiện nông nghiệp khác tương tự như khu vực Hoà Lạc.

### (4) Miếu Môn

Miếu Môn cũng là một vùng nông thôn. Quy hoạch tổng thể của Bộ Xây dựng cho biết diện tích đất nông nghiệp ở Miếu Môn là 800 ha, tương đương 48,5% tổng diện tích. Các điều kiện nông nghiệp khác tương tự như khu Xuân Mai.

## 2.12.3 Những vấn đề đối với phát triển

Các bệnh tật do nước và có liên quan đến các chất bài tiết gây ra là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng đau yếu và tử vong ở trẻ em theo Mô tả tình trạng sức khoẻ toàn quốc của Bộ Y tế năm 1993. Khoảng 70% những trường hợp này xảy ra ở trẻ em dưới 5 tuổi và khoảng 30% số trẻ em tử vong ở độ tuổi này do hoặc có liên quan tới bệnh tả chảy. Ký sinh trùng là bệnh dễ lây nhiễm nhất trong khu vực quy hoạch dự án. Khoảng 90% dân số có giun thuộc một hoặc nhiều loại.

Sự tồn tại của nhiều ký sinh trùng như vậy có liên quan trực tiếp tới tập quán sử dụng phân tươi cho mùa màng. Nguyên nhân chính là do nhận thức kém về vệ sinh, thiếu hố xí tự hoại và các cơ sở xử lý chất thải trong khu vực.

## Phát triển Hành lang 21

Tại thị xã Sơn Tây có khoảng 3.056 hố xí, trong đó có 460 hố xí tự hoại, 90 hố xí ga/tự ngầm, 154 hố xí hai ngăn và 2.352 những loại khác như hố xí dội nước bằng xô, hố xí một ngăn. Chỉ có 15% hố xí là có vệ sinh. Phần lớn chất thải không qua xử lý được thải tự do xuống đất và ao hồ, sông, suối và những cánh đồng.

Trong khu vực thị trấn Hoà Lạc, đa số các hố xí đều là hố xí tự hoại hoặc hố xí hai ngăn. Tình trạng thải rác cũng tương tự như ở Sơn Tây.

Tại thị trấn Xuân Mai, chỉ có các hộ kinh doanh mới có hố xí tự hoại. Những hộ gia đình khác có hố xí hai ngăn hoặc hố xí tự dội nước bằng xô. Tình trạng thải rác cũng tương tự như ở Sơn Tây.

Tại Miếu Môn chưa hình thành khu đô thị. Phần lớn các hố xí là hố xí tự dội nước bằng xô hay hố xí một ngăn. Tình trạng thải rác tương tự như ở Sơn Tây.

Tại các khu nông thôn có mực nước ngầm cao, nhân dân thường sử dụng loại hố xí hai ngăn. Đôi khi cũng có hộ sử dụng hố xí một ngăn tại những vùng gò đồi có độ dốc cao. Ngoài ra cũng có sử dụng hố xí tự dội nước bằng xô và cầu tiêu ở ao cá. Chất thải được sử dụng làm phân bón cho các vụ mùa. ở một số vùng có nhiễm bẩn ở tầng ngầm nước nông.

Bên cạnh tình trạng mất vệ sinh đó, việc thải rác bừa bãi của con người xuống đất canh tác gây suy thoái đất về mặt hoá học cũng như lý học và ảnh hưởng lớn đến điều kiện sống của nông dân. Việc sử dụng quá nhiều phân bón cho đất làm tăng tình trạng rối loạn dinh dưỡng trong các vụ mùa dẫn đến sản lượng thấp. Mùi ôi thối từ các chất thải của con người gây cản trở công việc của nông dân trên những cánh đồng bị ô nhiễm. Ô nhiễm thức ăn do mùi ôi thối gây ra những vấn đề tiếp thị. Những vấn đề này đều đã từng xảy ra trong nông nghiệp đô thị ở Nhật Bản. Theo kinh nghiệm của Nhật Bản, cần sớm có những giải pháp xử lý ngay những vấn đề này để bảo vệ một cách có hiệu quả một môi trường nông nghiệp tốt. Việc bảo tồn một môi trường nông nghiệp tốt cần rất nhiều tiền của và thời gian.

### 2.12.4 Bảo vệ môi trường và đất nông nghiệp

Vấn đề quản lý đất hiệu quả là không thể thiếu được đối với việc bảo vệ đất nông nghiệp. Song, ở Việt Nam hiện nay chưa có hệ thống quản lý đất có hiệu quả. Tại các khu đô thị, 80% các giao dịch và xây dựng quy mô nhỏ diễn ra ngoài cơ cấu chính thức của Chính phủ. Đất trồng lúa bên ngoài các khu đô thị tiếp tục được chuyển sang phục vụ cho những mục đích ngoài nông nghiệp mà không có phê duyệt chính thức của Thủ tướng Chính phủ. Các khu vực ngoài khu vực được xây dựng của đa số các trung tâm đô thị dường như là những khu cây xanh trên bản đồ quy hoạch tổng thể thành phố nhiều màu sắc tiếp tục được xây dựng thành những khu dân cư mới, thường là dành cho các quan chức Chính phủ. Có một số nguyên nhân dẫn tới những vấn đề nêu trên:

- (a) Không thể cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất vì không có bản đồ và khảo sát địa chính đầy đủ.
- (b) Không đánh giá đất dựa trên cơ chế thị trường.
- (c) Không có đội ngũ nhân viên được đào tạo đầy đủ cũng như kỹ thuật và thiết

## Phát triển Hành lang 21

bị tiên tiến nhất để thực hiện những chỉ thị trong những khu vực quy hoạch đô thị, khảo sát địa chính, lập bản đồ, đánh giá đất và quản lý cơ sở dữ liệu đô thị.

(d) Không phân biệt rõ ràng ranh giới trách nhiệm đối với đất đô thị ở các cấp chính quyền từ trung ương tới địa phương.

### 2.12.5 Chính sách nông nghiệp

#### (1) Chính sách nông nghiệp của thành phố Hà Nội

Các chính sách phát triển của thành phố đều nhằm vào các ngành công nghiệp và dịch vụ do hạn chế nguồn đất đai và áp lực dân số cao của thành phố.

Theo quy hoạch phát triển thành phố Hà Nội tới năm 2010, GRDP của thành phố sẽ là 107 tỉ VND vào năm 2010 và GRDP bình quân đầu người sẽ là 3.037 USD, mức tăng trưởng bình quân là 16%/năm.

Nền kinh tế sẽ chuyển sang cơ cấu đa phân là những ngành phi nông nghiệp như mô tả trong bảng sau. Nông nghiệp chiếm 14% GRDP vào năm 2010, con số đó là 43% năm 1993 (xem bảng 2.12.1). Mức tăng trưởng trong nông nghiệp sẽ là 3% trong giai đoạn 1995 - 2000 và 3,5% trong giai đoạn 2001 - 2010.

**Bảng 2.12.1 Cơ cấu GRDP (%)**

Ngành	1993	2000	2010
Công nghiệp	19	23	29
Nông nghiệp	43	31	14
Dịch vụ	38	46	57
Tổng cộng	100	100	100

Các chính sách nông nghiệp hướng vào trồng trọt và chăn nuôi, và sản lượng vụ lúa sẽ giảm xuống còn 36% vào năm 2010 so với 58% năm 1994 như trong bảng 2.12.2. Chính quyền thành phố đang khuyến khích trồng hoa và cây cảnh phục vụ dân đô thị và xuất khẩu, mong muốn thành lập các trung tâm ươm gieo giống cây ăn quả, rau sạch, hoa và cây cảnh.

**Bảng 2.12.2 Cơ cấu GRDP nông nghiệp (%)**

Mô tả	1994	2000	2010
Vụ lúa	47	35	19
Vụ màu	5	7	8
Cây ăn quả	3	3	5
Cây công nghiệp	3	4	4
Chăn nuôi	42	51	64
Tổng cộng	100	100	100

Đất nông nghiệp giảm do quá trình đô thị hoá là một trong những vấn đề quan trọng nhất đối với việc cung cấp lương thực bền vững trong vùng đồng bằng sông Hồng. Hà Nội dự tính sẽ bảo tồn đất nông nghiệp bằng cách giảm số dân ở các khu đô thị Hà Nội từ 80% năm 1994 xuống 52% vào năm 2010.

**(2) Các chính sách nông nghiệp của tỉnh Hà Tây**

Theo số liệu thống kê năm 1996 của tỉnh Hà Tây, GRDP của Hà Tây năm 1996 là 3,8 tỉ VND tính theo thời giá 1994, tương đương với mức GRDP bình quân đầu người là 1,64 triệu VND. Cơ cấu GRDP gồm:

(a) Nông lâm nghiệp:	45%
(b) Ngư nghiệp:	2%
(c) Công nghiệp chế biến:	18%
(d) Sản xuất/cấp điện/cấp nước:	1%
(e) Xây dựng:	7%
(f) Dịch vụ:	27%

Ngành kinh tế mũi nhọn là nông nghiệp chiếm 45% tổng GRDP.

Hướng sản xuất nông nghiệp của tỉnh Hà Tây sẽ là tăng năng suất lên trên 2.000 USD/năm/ha cho các vụ mùa và sản lượng đàn gia súc, gia cầm, tăng năng suất vụ đông, khai thác hết tiềm năng các vùng đồi trọc và gò đồi phục vụ cho nông nghiệp, đảm bảo phát triển một nền nông nghiệp song song với bảo vệ môi trường.

**2.12.6 Những vấn đề của nông nghiệp vùng đồng bằng liên quan tới quy hoạch đô thị trong tương lai**

Áp lực dân số tăng nhanh dưới nguồn đất đai hạn chế tại vùng đồng bằng sông Hồng và đất đai ở các vùng nông thôn sẽ không thể không gây ra tình trạng tập trung quá đông dân cư tại các thành phố như Hà Nội, bởi vì người ta muốn đến những nơi sẵn có việc làm. Người ta cho rằng các thành phố là nơi có nhiều công ăn việc làm. Trên thực tế, quá trình đô thị hoá ở vùng đồng bằng sông Hồng đã giảm đất nông nghiệp với tốc độ 14.700 ha/năm.

Dự án phát triển khu đô thị Xuân Mai - Hoà Lạc sẽ thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở các vùng nông thôn và dẫn đến những vấn đề như giảm đất nông nghiệp, tăng va chạm, những vấn đề ô nhiễm không khí/nước, tiếng ồn, huỷ hoại cảnh quan, v.v.. Do đó, vấn đề bảo vệ đất nông nghiệp để đảm bảo cung cấp lương thực bền vững, để bảo vệ môi trường lành mạnh cho dân cư đô thị và để tạo ra công ăn việc làm sẽ là những vấn đề cơ bản về khía cạnh nông nghiệp.

**2.12.7 Dự án phát triển nông nghiệp đô thị**

Trong hội nghị UNDP thứ hai về Giải quyết nhân lực, nông nghiệp đô thị được đánh giá là một giải pháp hữu hiệu nhằm xoá đói giảm nghèo, tăng cường sức khỏe và dinh dưỡng cho dân thành thị, tăng an toàn lương thực và bảo vệ môi trường.

Nông nghiệp đô thị bao gồm trồng cây trong nhà kính, không gian cộng đồng và không gian dư thừa hay dự trữ của nhà nước/cá nhân, chăn nuôi gia súc gia cầm trong chuồng trại và nuôi cá trong ao, suối, và phá. Những người nghèo nhất ở thành phố chỉ 90% thu nhập của mình để mua lương thực. Đối với những người này, nông nghiệp đô thị đem lại cơ hội có được bữa ăn ngon hơn, và có cơ hội dành tiền cho các nhu cầu khác như y tế và nhà ở. Đối với những người có thu nhập trung bình, nông nghiệp đô thị đưa đến cho họ khả năng tiết kiệm và đầu tư và bất động sản đô thị.

## **Phát triển Hành lang 21**

Nhà nước sẽ can thiệp vào quá trình phát triển nông nghiệp đô thị với những hoạt động như sau:

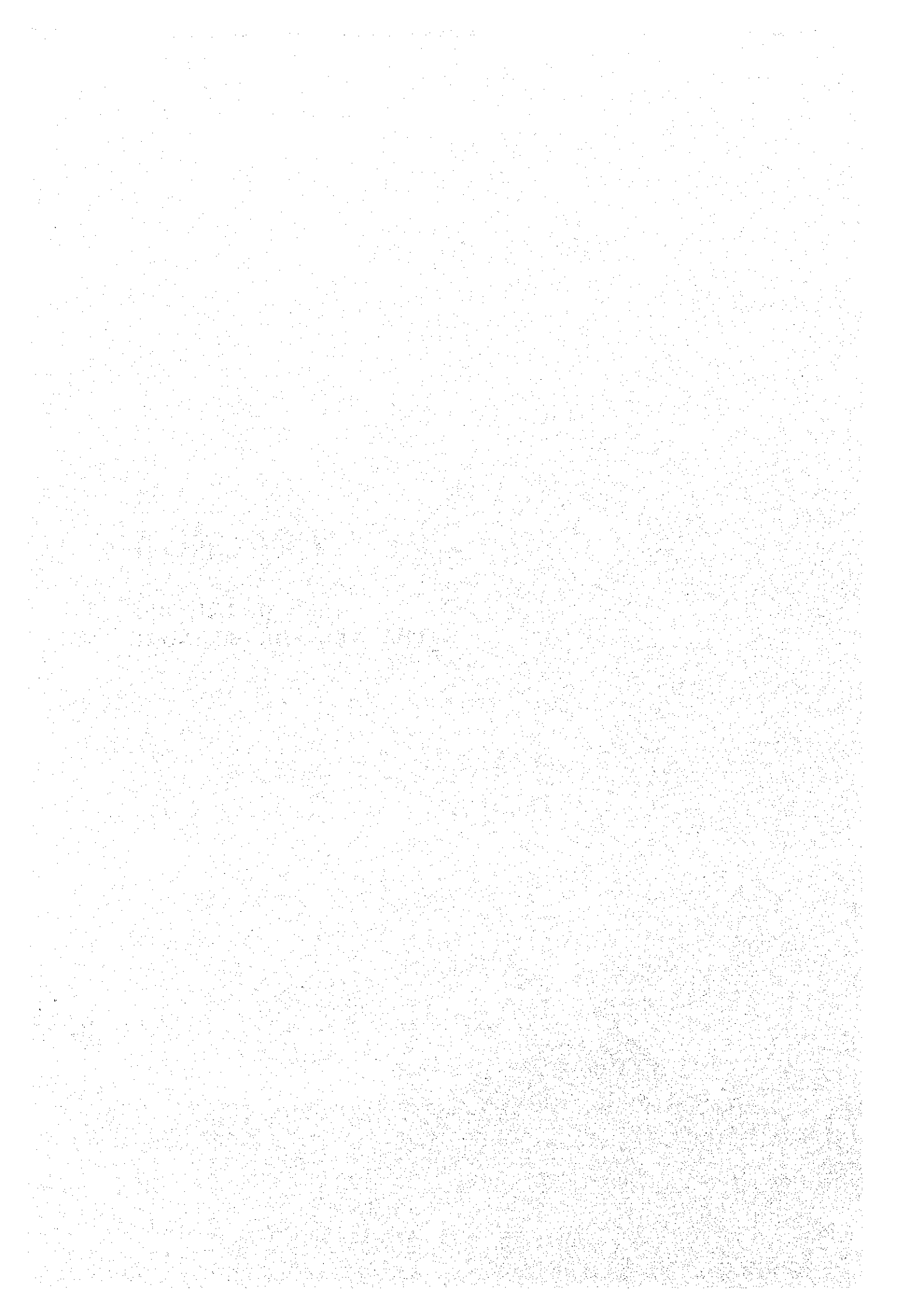
- (a) Nghiên cứu/Mở rộng: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tái sử dụng chất thải, khảo sát tồn kho, các dịch vụ kỹ thuật, nghiên cứu, xây dựng mô hình,
- (b) Hỗ trợ tài chính: các dịch vụ cho vay tín dụng và bao cấp
- (c) Các dịch vụ tiếp thị: thông tin, tiêu chuẩn sức khoẻ.

# CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG  
PHÁT TRIỂN HÀNH LANG 21







## CHƯƠNG 3 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HÀNH LANG 21

### 3.1 Chứng minh tính đúng đắn Phát triển Hành lang 21

#### 3.1.1 Sự phát triển trong tương lai của Khu vực Thủ đô Hà Nội

Trong thập kỷ qua, thế giới phát triển đã phải đối đầu với sự tăng dân số đô thị không ngừng đi kèm với quá trình công nghiệp hoá. Bảng 3.1.1 thể hiện tỷ lệ dân số đô thị ở các nước châu Á.

**Bảng 3.1.1 Dân số đô thị ở các nước châu Á**

Tên nước	Dân số (triệu người)	Tỉ lệ tăng dân số (%)	Tỉ lệ DS đô thị (%)	Dân số Thủ đô (triệu người)
Nhật Bản	126.1	0.3	78	*11.8 (1996)
Trung Quốc	1,239.5	1.2	30	7.4 (1990)
Singapore	3.1	2.0	100	*3.0 (1995)
Indonesia	201.6	1.6	34	9.1 (1995)
Malaysia	21.9	2.4	47	1.1 (1991)
Philippines	72.6	2.3	46	*8.6 (1994)
Việt Nam	72.8	2.3	21	*3.1 (1992)
Thái Lan	61.4	1.5	36	*5.9 (1990)

Nguồn: Tuần tin Châu Á, 7 tháng 8, 1998 và Sekai Kokusei Zue

Ghi chú\*: Số liệu bao gồm cả dân số ngoại thành

Bảng trên chỉ ra một khả năng là mức tăng trưởng dân số mức độ cao cùng với mức tập trung đô thị tương đối thấp ở Việt Nam sẽ gây nên tình trạng tăng dân số đô thị cấp số nhân trong Thế kỷ 21 như đã từng xảy ra ở các nước châu Á khác.

Các nước châu Á cũng đang phải đối mặt với các vấn đề đô thị nghiêm trọng do dân số đô thị gia tăng nhanh đặc biệt xảy ra ở thủ đô các nước. Tắc nghẽn giao thông trầm trọng gây ra nạn ô nhiễm không khí, hệ thống quản lý rác thải thiếu thốn là nguyên nhân gây ra các vấn đề vệ sinh, việc định cư bất hợp pháp của dân di cư tạo ra các khu đất lấn chiếm, tất cả những vấn đề này đều xảy ra và thường gặp ở các thành phố thủ đô. Để đương đầu với các vấn đề môi trường đô thị trầm trọng cần chủ động trước trong khi lập quy hoạch và phát triển đô thị trước khi dẫn đến tình trạng không thể quản lý được.

Thực tế là đến năm 2020, dân số đô thị của khu vực Thủ đô Hà Nội dự kiến sẽ lên tới 4,5 triệu người. Khu vực trung tâm sẽ chỉ có thể cung cấp chỗ ở cho 2,5 triệu dân, số còn lại phải bố trí bên ngoài khu trung tâm. Vì vậy, để tránh mức tập trung dân cư quá cao cũng như các vấn đề đô thị trong tương lai ở khu vực Thủ đô Hà Nội, vấn đề tạo nơi ở cho lượng dân cư dôi ra này là một trong những căn cứ quan trọng của Dự án Hành lang 21.

Trên cơ sở những thông tin của Bộ Xây dựng và ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Cơ cấu của Thủ đô Hà Nội trong tương lai đối với Hành lang 21 được miêu tả sơ bộ trong Hình 3.1.1.

- Khu trung tâm nằm trong Đường vành đai Số 3 và được phân cắt bởi Sông Hồng sẽ vẫn là khu đô thị đông dân với các ngành chức năng dịch vụ chính ở

## Phát triển Hành lang 21

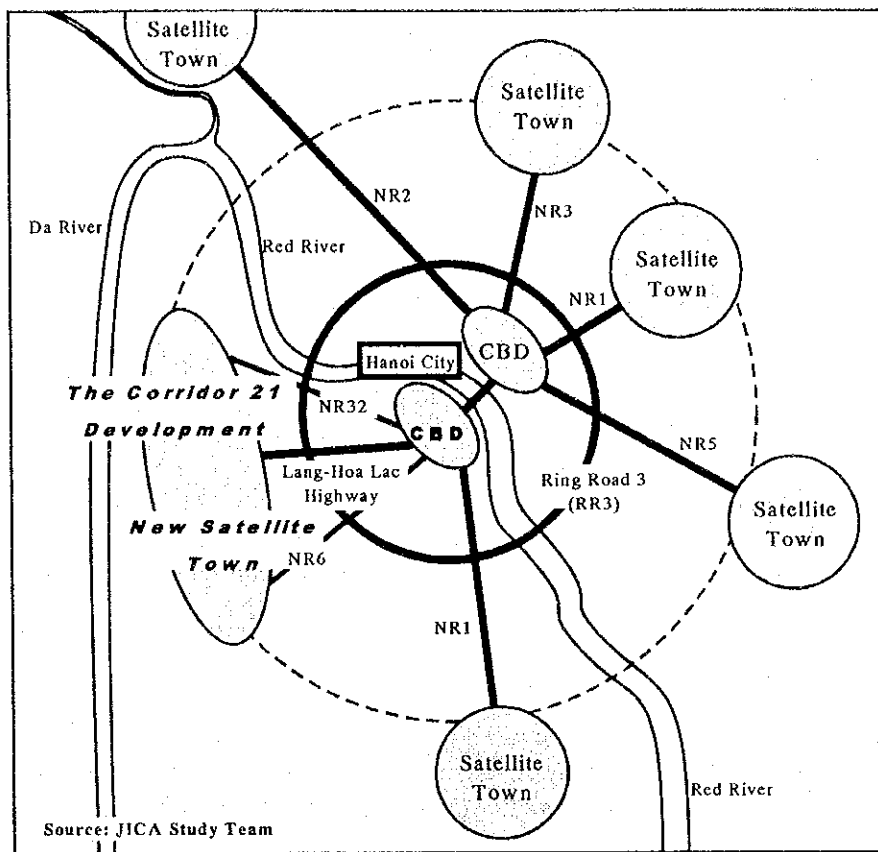
phía nam sông và các ngành chức năng dịch vụ-sản xuất ở phía bắc sông;

- Bên ngoài đường vành đai số 3 có những cánh đồng lúa phì nhiêu và vùng đất trồng trọt rộng lớn. Khu vực này có lẽ sẽ vẫn được duy trì làm đất sản xuất được thực hiện bằng cách hạn chế việc thay đổi mục đích sử dụng đất trong tương lai;
- Ngoài các khu đất canh tác, những khu vực không phù hợp để trồng trọt sẽ được sử dụng làm khu dân cư và các chức năng đô thị khác như phát triển Hành lang 21.

Tóm lại, cơ cấu thủ đô Hà Nội trong tương lai được miêu tả như là khu trung tâm với hai hạt nhân quan trọng nằm ở phía Bắc và Nam của sông Hồng bao quanh bởi các khu đất canh tác trù phú màu mỡ, bên ngoài là một loạt các thành phố vệ tinh chung nhau các chức năng đô thị đa dạng và nhằm mục đích thẩm thấu số dân quá cao của khu vực trung tâm.

Phát triển Hành lang 21 được khái quát hoá là một thành phố vệ tinh mà điều kiện tiên quyết đối với sự tồn tại của nó về lâu dài là phải nối liền với

Hành lang 21 có đặc điểm là một thành phố vệ tinh mà điều kiện tiên quyết để tồn tại lâu dài là phải nối với khu vực trung tâm bằng một hệ thống giao thông lớn nhằm đảm bảo nhu cầu đi lại của dân chúng, như vậy có thể chia sẻ những chức năng đô thị đa dạng dưới hình thức bổ sung cho nhau.



Hình 3.1.1 Cơ cấu Thủ đô Hà Nội trong tương lai

### 3.1.2 Phát triển nguồn nhân lực

Phải thừa nhận rằng, Việt Nam phải đối mặt với những thách thức phát triển kinh tế xã hội ghê gớm hướng về Thế kỷ 21 để ứng phó thích hợp với hoàn cảnh biến đổi trên toàn thế giới. Những biến đổi này có thể được diễn dịch bằng nhiều cách nhưng một trong những biến đổi chủ yếu là việc “toàn cầu hoá và tự do hoá kinh tế” mà về bản chất sẽ tạo ra một môi trường cạnh tranh gay gắt trên toàn cầu.

Ngoài những thách thức đối với sự phát triển, để phân phối đều ảnh hưởng của sự phát triển trên toàn đất nước, Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với những thử thách to lớn để có thể giảm bớt những khác biệt kinh tế đặc trưng của vùng đang phát triển thường thấy giữa miền Bắc và miền Nam.

Xét đến vấn đề này, quy hoạch đô thị Khu vực Thủ đô Hà Nội cần phải đặc biệt chú ý đến việc phát triển kinh tế đô thị như là một trung tâm hoà nhập kinh tế của cả nước cũng như của miền Bắc Việt Nam. Trong bối cảnh này, việc cải tạo và phát triển các chức năng kinh tế đô thị của khu vực Thủ đô Hà Nội là rất quan trọng khi quy hoạch thủ đô Hà Nội trong tương lai.

Việt Nam phải tự chuẩn bị để giải quyết tốt với tình trạng thị trường cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thế giới tự do hoá của Thế kỷ 21. Có thể có các cách thức và kịch bản

## Phát triển Hành lang 21

khác nhau được đưa ra, nhưng dù chọn cách nào thì một trong những yêu cầu cơ bản đầu tiên là phát triển nguồn nhân lực có chất lượng làm cơ sở để đẩy mạnh sản xuất giá trị gia tăng của cả nước. Công nghệ cao tiên tiến và dịch vụ chất lượng cao hiển nhiên là một trong những lựa chọn và phương hướng phấn đấu được tán thành nhất, làm cho Việt Nam ngày càng có tính cạnh tranh hơn trên thị trường thế giới.

Là một trung tâm kinh tế của cả nước, Hà Nội phải đóng vai trò trung tâm mở rộng công nghệ cao và các dịch vụ chất lượng cao, tận dụng tối đa nguồn nhân lực có chất lượng để Việt Nam có thể đa dạng hoá cạnh tranh của mình trên thị trường thế giới.

Quan điểm nêu trên có lẽ còn mang tính định tính nhưng nó đưa ra một căn cứ quan trọng cho Dự án trên phương diện chính sách kinh tế vĩ mô và chính sách công nghiệp. Đó là, tạo ra một trung tâm quốc gia nhằm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cũng như các công nghệ cao tiên tiến và dịch vụ chất lượng cao trong Hành lang 21 như là một chất xúc tác nhằm tạo ra các ảnh hưởng lan truyền trên cả nước. Có thể đạt được mục tiêu này một cách có hiệu quả hơn bằng việc thiết lập mối liên kết tay ba giữa các trường đại học, các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu và phát triển nhà nước hoặc tư nhân trong Hành lang 21.

### 3.1.3 Phát triển và thúc đẩy khoa học/công nghệ

Một trong những vấn đề cốt lõi gây ra khủng hoảng kinh tế trên toàn Đông Á là cơ cấu công nghiệp yếu kém, không có công nghệ của riêng mình mà phụ thuộc hoàn toàn vào các công nghệ và sản phẩm nhập khẩu, dẫn đến thất bại trong việc sản xuất giá trị gia tăng.

Tăng cường cơ cấu công nghiệp không là gì khác ngoài việc liên tục cố gắng nuôi dưỡng công nghệ trong nước với sự trợ giúp của các chính sách công nghiệp nhằm thúc đẩy khoa học và công nghệ bản xứ cùng với việc phát triển nguồn nhân lực cũng như nuôi dưỡng các xí nghiệp công nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Theo hướng này, cần phải nỗ lực nội địa hoá các công nghệ nhập khẩu thông qua việc nâng cao các chức năng nghiên cứu và phát triển.

Khi xem xét phát triển giai đoạn đầu của Khu Công nghệ Cao Hoà Lạc, cần phải ưu tiên chú ý đến việc làm thế nào để có thể tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn trong KCNC nhằm thu hút cả các dòng đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI) lẫn đầu tư trong nước. Không cần nói thì cũng có thể thấy rằng, tuy việc cung cấp đầy đủ “cơ sở hạ tầng phân cứng” là một yêu cầu bắt buộc, nhưng việc cung cấp “cơ sở hạ tầng phân mềm” hấp dẫn ví dụ như nguồn nhân lực có chất lượng và các chức năng hỗ trợ nghiên cứu phát triển cũng sẽ không kém phần quan trọng so với cơ sở hạ tầng phân cứng.

Theo hướng này, cần ưu tiên phát triển các chức năng đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu phát triển ở KCNC Hoà Lạc.

### 3.1.4 Khái niệm về thành phố sinh thái

Phát triển Hành lang 21 nhằm tạo ra một “Thành phố vườn” hay “Thành phố sinh thái” nơi cuộc sống đô thị với những điều kiện thuận lợi và môi trường thiên nhiên cùng song song tồn tại. Khái niệm này có thể được thể hiện bằng những từ khác là “Thành phố gắn gũi môi trường” hoặc “Thành phố hài hoà với môi trường”. Trong hệ sinh thái tự nhiên, lưu thông và trao đổi năng lượng và vật chất tương tác với

nhau hữu hiệu với yếu tố sinh thái làm cho thành phố phát triển bền vững và ổn định. Nhằm thành lập một môi trường đô thị lành mạnh và thoải mái để chịu thì không thể không phát triển một cấu trúc đô thị với đặc điểm là đa dạng, độc lập, ổn định và lưu thông, đó là những nét đặc thù của hệ sinh thái tự nhiên nói trên. Để thiết lập môi trường đô thị thuận lợi trong hệ thống môi trường xã hội, cần phải có những hành động thúc đẩy chức năng hệ sinh thái chẳng hạn như kiểm soát chất lượng và số lượng hoạt động đô thị, giảm bớt và kiểm soát các chất gây ô nhiễm từ nguồn, hành động khôi phục các nguồn lực, sử dụng năng lượng và các nguồn lực một cách hiệu quả từ chất thải v.v. Điều này cũng có nghĩa là hình thành hệ thống đô thị tương tự như một thành phố quay vòng sinh thái, hoạt động trong phạm vi hệ sinh thái tự nhiên. Hơn nữa, các chính sách xây dựng thành phố sinh thái phải kết hợp cả ý kiến nhà nước và tư nhân.

Báo cáo của OECD nói về thành phố sinh thái như sau:

“Một thành phố sinh thái được phân biệt bởi mức độ các mối quan tâm về môi trường được kết hợp để ra quyết định trong các thành phần nhà nước và tư nhân như nhau. Một thành phố sinh thái đơn giản là hữu hiệu hơn trong việc phát hiện và thực hiện các giải pháp cho các vấn đề về môi trường. Trong một thành phố sinh thái, mọi người cần hiểu rõ trách nhiệm của họ đối với môi trường, các vấn đề về môi trường cần được quan tâm không ngừng, những mối quan tâm đến môi trường là một phần lớn không thể thiếu được với các chính sách và các hoạt động theo ngành, cần phải chú ý nhiều hơn đến việc cung cấp một cuộc sống chất lượng cao hơn cho tất cả cư dân đô thị. Những mục tiêu phải là về mục tiêu xã hội, kinh tế và môi trường thống nhất để đạt được sự phát triển lâu dài. *(Các chính sách đổi mới Phát triển đô thị bền vững, thành phố sinh thái. OECD, 1996)*

Xây dựng thành phố sinh thái có nghĩa là xây dựng một đô thị vốn đã thích nghi, có đặc điểm là đa dạng, phong phú, tự chủ và bền vững trong cả môi trường tự nhiên và môi trường xây dựng nên. Dưới đây là các khái niệm cơ bản cần phải đưa vào hình thành một hệ thống đô thị quay vòng sinh thái hay thành phố sinh thái.

- Lập kế hoạch gìn giữ môi trường từ quan điểm phát triển đô thị quay vòng sinh thái và lâu bền.
- Sử dụng một cách hữu hiệu nguyên vật liệu là những thành tố cơ bản để hỗ trợ các hoạt động đô thị. Vì mục đích này cần phải thúc đẩy thành lập một thành phố quay vòng sinh thái bằng cách đưa vào áp dụng và hoàn thiện hệ sinh thái mà bao gồm năm chức năng như sau: i) nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và nguyên vật liệu, ii) Khai thác năng lượng thiên nhiên, nước mưa, thoát nước và các thứ nước đã xử lý iv) phục hồi các nguồn lực từ chất thải, v) tái sử dụng nước đã lưu động trong các văn phòng kinh doanh và các khu vực kinh doanh.
- Chủ động tái tạo tự nhiên trong khu vực đô thị bằng cách bảo tồn và hoàn thiện nơi cư trú sinh học; chủ động bảo tồn thiên nhiên còn lại trong khu vực đô thị bằng cách tăng diện tích xanh và các biện pháp khác nữa.
- Chủ động tham gia vào nhiều hoạt động gìn giữ môi trường theo hướng cải tạo môi trường đô thị cho dân đô thị và các công ty vì sự phát triển lâu dài.

## Phát triển Hành lang 21

Tăng cường nhận thức của mọi người, tư vấn và tham gia có thể nâng cấp quản lý môi trường đô thị.

- Vật lộn với các khó khăn theo hướng thúc đẩy thành phố quay vòng sinh thái từ quan điểm toàn diện và với sự tham gia của đông đảo công dân và các công ty.
- Lắp đặt/xây dựng cơ sở hạ tầng môi trường phù hợp chẳng hạn như các công trình thoát nước, xử lý chất thải rắn để đối phó với những khó khăn liên quan đến các vấn đề về môi trường.

### 3.2 Mục đích và mục tiêu Phát triển Hành lang 21

#### 3.2.1 Mục đích phát triển

Mục đích phát triển Hành lang 21 được tổng kết như sau:

**(1) Trở thành trung tâm quốc gia phát triển nguồn nhân lực, khoa học và kỹ thuật**

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn quy hoạch định hướng của trường ĐHQG ban hành ngày 26 tháng 1 năm 1998 có những nội dung sau:

ĐHQG là trung tâm giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành và cũng là mối liên kết liên ngành giữa các trường đại học, các viện nghiên cứu, các cơ sở thí nghiệm, đảm bảo sự liên kết giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. ĐHQG cũng là một trung tâm văn hoá có vai trò phát triển khoa học và giao lưu văn hoá trong giáo dục đại học ở Việt Nam.

Theo các chính sách này, dự kiến ĐHQG sẽ đảm nhận các chức năng (a) giáo dục, nghiên cứu và các hoạt động liên quan khác và (b) giao lưu khoa học và văn hoá trong giáo dục đại học ở Việt Nam. Dự kiến ĐHQG sẽ phát triển thành một trường Đại học toàn diện bao quát nhiều lĩnh vực nghiên cứu cũng như các hoạt động đào tạo và giáo dục đại học, điều này đòi hỏi ĐHQG phải tăng thêm các khoá học chuyên sâu trong các lĩnh vực cơ bản. Trong mối liên hệ giao lưu khoa học và văn hoá, dự kiến ĐHQG sẽ đảm nhận chức năng trung tâm để truyền thông tin giữa các viện đại học cũng như giữa các viện đại học với các ngành công nghiệp và thúc đẩy giáo dục đại học trên toàn quốc thông qua đài truyền thanh, thư từ và giáo dục xã hội v.v.

**(2) Đảm nhiệm chức năng đi đầu trong việc nuôi dưỡng ngành công nghiệp công nghệ cao của đất nước**

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Dự án Phát triển KCNC Hoà Lạc vào tháng 10 năm 1998 cùng với một số nhận xét thể hiện chủ trương của Chính phủ:

“Những kinh nghiệm to lớn về cuộc khủng hoảng kinh tế đang diễn ra ở các nước Châu á khác chỉ ra rằng Việt Nam không nên bắt chước hoàn toàn nhập khẩu công nghệ như các nước khác để phát triển kinh tế. Việt Nam sẽ đủ khả năng đuổi kịp để sánh ngang hàng với các nước khác trong lĩnh vực công nghệ. Cần ưu tiên cải thiện phát triển nguồn nhân lực, điều này được coi là một trong những thế mạnh của Việt Nam. Tuy nhiên, đào tạo nhân lực phải đi đôi với

nghiên cứu triển khai cũng như mở rộng kinh doanh. Việt Nam phải trở thành một nước được công nghiệp hoá một cách cơ bản trong vòng 25 năm nữa và công nghệ cần được xem như một nhân tố chính để thực hiện mục tiêu này”.

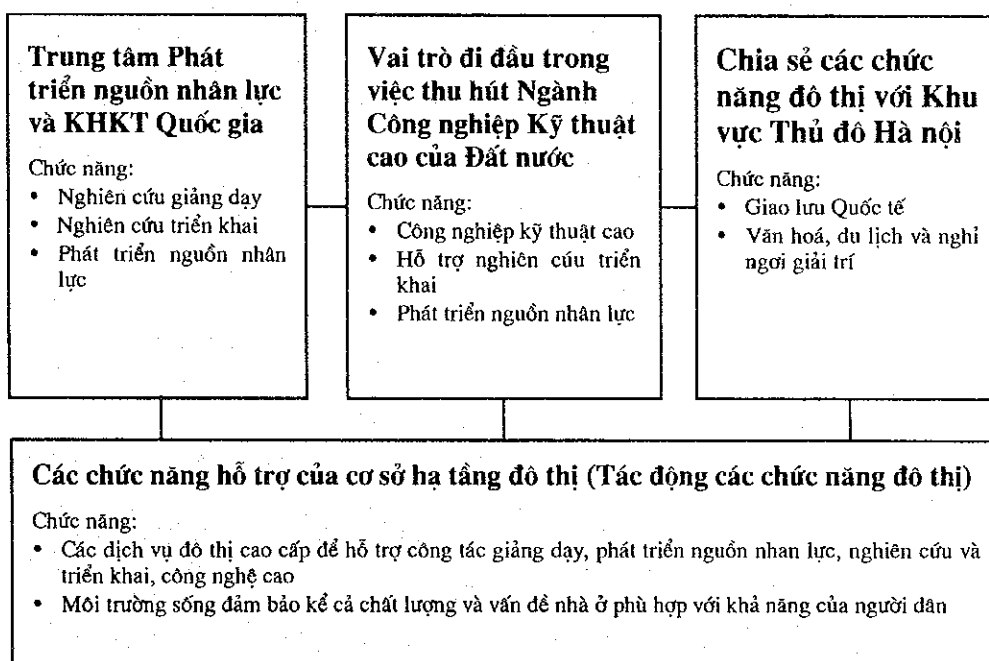
**(3) Chia sẻ các chức năng đô thị với Khu vực Thủ đô Hà Nội**

Cùng với việc đảm nhiệm các chức năng là trung tâm quốc gia về phát triển nguồn nhân lực và phát triển khoa học, công nghệ, Phát triển Đô thị Hoà Lạc và Xuân Mai phải chia sẻ các chức năng đô thị quan trọng với Khu vực Thủ đô Hà Nội. Giao lưu quốc tế, văn hoá và nghỉ ngơi, giải trí sẽ là các chức năng chủ yếu cần được chia sẻ. Giao lưu quốc tế sẽ là một bộ phận không thể tách rời để tăng trưởng kinh tế trong tương lai và nhu cầu văn hoá và giải trí sẽ phát sinh do thu nhập trên đầu người tăng và hệ thống làm việc 5 ngày sẽ trở nên ngày càng phổ biến hơn. Thông qua việc chia sẻ các chức năng đó, khu vực Hoà Lạc Xuân Mai sẽ trở nên đa dạng, hấp dẫn và liên kết chặt chẽ với Hà Nội.

**(4) Thẩm thấu dân số ngày càng tăng của Khu vực Thủ đô Hà Nội**

Thực tế là tới năm 2020, dự báo dân số Hà Nội sẽ tăng lên tới 4,5 triệu người và Khu vực Trung tâm Hà Nội chỉ có thể thu xếp nơi ở cho khoảng 2,5 triệu và số dân còn lại cần phải được phân bố ở bên ngoài Khu vực Trung tâm. Vì vậy, để tránh sự tập trung quá tải dân số và các vấn đề đô thị nảy sinh trong tương lai ở khu vực thủ đô Hà Nội, vấn đề nhà ở cho dân cư có thể trở nên quá tải là một vấn đề quan trọng của dự án phát triển Hành lang 21.

Như sẽ được trình bày chi tiết dưới đây, những mục đích Phát triển Hành lang 21 nói trên có mối liên kết chức năng như được minh hoạ trong Hình 3.1.1.



**Hình 3.1.2 Kết hợp các chức năng đô thị dự kiến**



## Phát triển Hành lang 21

### 3.2.2 Mục tiêu phát triển

Các mục đích Phát triển Hành lang 21 nói trên được chuyển thành các mục tiêu chính xác hơn phải đạt được trong quá trình thực hiện.

#### (1) Chọn khu đô thị Hoà Lạc và Xuân Mai thành là một Đặc khu Kinh tế

Phát triển Hành lang 21, đặc biệt là khu vực Hoà Lạc và Xuân Mai có ý nghĩa và tầm quan trọng quốc gia và được xem như là “**Dự án Quốc gia**”. Để dự án có được sự quan tâm và đầu tư đặc biệt của Nhà nước, ý tưởng về một “**Đặc khu kinh tế**” sẽ được đề xuất áp dụng cho dự án này. Nguồn vốn cho ĐKKT này có thể là thu hút đầu tư của thành phần tư nhân cả trong nước và nước ngoài và như vậy thúc đẩy tiến trình thực hiện dự án. Cần phải hoàn thành trước các thủ tục về mặt luật pháp và thể chế nhằm hiện thực hoá ý tưởng về đặc khu kinh tế. Có thể nhận xét sơ bộ rằng nguồn tiền cho đặc khu phải bao gồm cả việc đầu tư và các hoạt động kinh tế diễn ra trong khu vực quy hoạch (Khu đô thị Hoà Lạc và Xuân Mai) nhưng nguồn đầu tư cho KCNC và KCN hiện thời vẫn phải hiệu quả. Và vì vậy, cần phải đưa ra sự lựa chọn cho người đầu tư khi sử dụng nguồn tài chính.

#### (2) Di chuyển ĐHQG

Phát triển Đô thị Hoà Lạc Xuân Mai bao gồm cả việc di chuyển trường ĐHQG về khu vực Hoà Lạc. Di chuyển ĐHQG là phải tổ chức lại và sát nhập các trường đại học thành viên hiện thời thành một trường đại học toàn diện trong thời gian trước mắt và sau này sát nhập những trường không trực thuộc. Dự kiến việc di chuyển ĐHQG sẽ đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng đối với giáo dục đại học cũng như đối với sự phát triển khoa học công nghệ trên toàn quốc. Trong khi tái tổ chức và sát nhập, cần ưu tiên cho việc thiết lập mối liên kết ba cực giữa các trường đại học, các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu triển khai nhà nước/tư nhân.

#### (3) Phát triển KCNC Hoà Lạc

Phát triển Đô thị Hoà Lạc và Xuân Mai cũng bao gồm việc phát triển KCNC Hoà Lạc. Phát triển KCNC Hoà Lạc sẽ phải đảm nhiệm vai trò chính trong việc nội địa hoá và nâng cấp ngành công nghệ cao, như vậy sẽ giúp cho các ngành công nghiệp công nghệ cao của đất nước phát triển. Những kết quả đạt được sẽ được phổ biến trên toàn quốc để tạo đà thúc đẩy khoa học công nghệ trong thế kỷ 21.

#### (4) Chia sẻ các chức năng đô thị với Khu vực Thủ đô Hà Nội và vấn đề nhà ở của dân cư đô thị khu vực Thủ đô Hà Nội

Bên cạnh các chức năng chính về phát triển nguồn nhân lực và củng cố các ngành công nghiệp công nghệ cao, Phát triển của Hành lang 21 cũng sẽ chia sẻ những chức năng đô thị quan trọng với Hà Nội như giao lưu văn hoá và giải trí (trong khu vực Đồng Mô), giao lưu quốc tế (trong khu trung tâm Hoà Lạc) và v.v. Đồng thời Hành lang 21 cũng sẽ làm giảm nhẹ vấn đề dân số đô thị gay gắt trong tương lai, và là “**nơi chứa**” quan trọng nhằm giảm bớt nhu cầu tái định cư phát sinh từ việc cải tạo và nâng cấp đô thị ở Khu vực Trung tâm Hà Nội.

**(5) Đi tiên phong trong việc phát triển nhà ở**

Sự phát triển của Hành lang 21 nói chung cũng như khu đô thị Hoà Lạc/Xuân Mai nói riêng là một dự án tiên phong trong bối cảnh thúc đẩy sự phát triển nhà ở trên toàn quốc nhằm nâng cao môi trường sống của con người, từ đó góp phần đẩy mạnh nền kinh tế quốc dân và phúc lợi xã hội. Các chính sách và thể chế mới sẽ được đưa ra nhằm khuyến khích người dân có nhà riêng và tạo điều kiện để họ có thể mua được nhà chất lượng với mức giá cả hợp lý. Lấy ví dụ ở đây là việc phát hành “Trái phiếu phát triển nhà ở” và việc thiết lập một “Tổng công ty phát triển nhà ở”.

**(6) Tạo ra một Thành phố Vườn gắn gũi với môi trường**

Để Dự án Phát triển Hành lang 21 có thể đáp ứng một cách linh hoạt những thay đổi trong tương lai, cần phải thiết kế một khu vực hình vành đai dọc theo quốc lộ 21A như một khu vực phát triển đô thị và bất cứ hoạt động phát triển nào bên ngoài khu này cũng phải được kiểm soát chặt chẽ trên phương diện bảo vệ môi trường. Ý tưởng là tạo ra một “thành phố vườn” nơi cuộc sống đô thị dễ chịu cùng tồn tại với môi trường tự nhiên.

**(7) Tạo ra một Trung tâm Đô thị hấp dẫn**

Cần phải quy hoạch và phát triển một Trung tâm Đô thị hấp dẫn ngay từ giai đoạn đầu. Trung tâm này không chỉ phục vụ những người sống trong khu vực Hoà Lạc mà còn phục vụ những người sống trong Hành lang 21 hoặc thậm chí trong các khu lân cận. Có thể nói rằng, liệu có thu hút được người dân và các nhà đầu tư đến đó hay không phụ thuộc phần lớn vào khu Trung tâm Đô thị hấp dẫn ra sao.

**(8) Phương thức phát triển đồn kết**

Để giảm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, phương thức “phát triển đồn kết” được áp dụng cho giai đoạn phát triển đầu của ĐHQG, KCNC Hoà Lạc, khu Trung tâm Đô thị cũng như khu nhà ở Đồng Xuân. Những phát triển liên kết chặt chẽ đó cũng sẽ tạo ra một ấn tượng thống nhất hơn là từng mảng riêng lẻ, vì vậy làm dịu đi cảm giác thiếu hụt trong quá trình phát triển.

**(9) Trung dụng đất và tái định cư hài hoà với các cộng đồng hiện có**

Để phát triển khu vực Hoà Lạc Xuân Mai một cách hiệu quả về phương diện kinh tế, xã hội cần trung dụng đất và tái định cư. Phải đưa ra các phương pháp và phương án mới liên quan đến chủ sở hữu hợp pháp trong Khu vực. Về nguyên tắc cần phải cố gắng bảo tồn các cộng đồng hiện có và những khu vực đã được đô thị hoá trừ phi chúng phân tán với quy mô nhỏ, góp phần tiết kiệm chi phí trung dụng đất.

**(10) Sự tham gia tích cực của chính quyền địa phương**

Tuy dự án phát triển khu đô thị Hoà Lạc Xuân Mai là một dự án quốc gia nhưng tỉnh Hà Tây dự kiến sẽ giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện dự án như là cầm trịch chính. Tỉnh Hà Tây chịu trách nhiệm quản lý đất đai cũng như việc

## Phát triển Hành lang 21

xây dựng và vận hành/bảo dưỡng các công trình công cộng và cộng đồng. Trong hoàn cảnh khi mà sự phân quyền đang có xu hướng trở thành một vấn đề quan trọng trong tương lai không xa thì chính quyền địa phương được khuyến khích có được khả năng phù hợp để thực hiện các dự án và chương trình phát triển. Trong hoàn cảnh như vậy thì Phát triển Hành lang 21 sẽ là cơ hội tốt làm phong phú thêm kinh nghiệm và năng lực của chính quyền địa phương.

### 3.3 Vai trò chức năng của Sơn Tây, Hoà Lạc, Xuân Mai và Miếu Môn

#### 3.3.1 Địa lý

Khu vực Phát triển Hành lang 21 nằm ở cả hai phía của Quốc lộ 21A trải dài từ Sơn Tây ở phía Bắc đến Miếu Môn ở phía Nam. Phía Bắc tiếp giáp với Châu thổ sông Hồng, phía Nam với Hồ Tây Lai (Mỹ Đức - Hà Tây), sông Tích Giang ở phía Đông và dãy núi Ba Vì, Tản Viên ở phía Tây.

#### 3.3.2 Thành phố Hoà Lạc độc lập

Có thể nói rằng, Thành phố Hoà Lạc dự kiến mang đặc thù là khá độc lập, với hai khu chức năng chủ yếu là ĐHQG và KCNC Hoà Lạc, đặc biệt là trong giai đoạn phát triển ban đầu. Trong các giai đoạn sau, nó sẽ chia sẻ các chức năng đô thị với Khu vực Thủ đô Hà Nội và vì thế nó sẽ trở thành một thành phố vệ tinh đa chức năng. Theo nghĩa chính xác của từ này thì thành phố không hẳn là độc lập và cũng không hoàn toàn là nơi cư ngụ mà trên thực tế nó có cả hai đặc điểm này. Cần lưu ý rằng một thành phố độc lập không có nghĩa là một “thành phố cô lập” mà nó cần có những mối liên kết khăng khít với Trung tâm Hà Nội để hỗ trợ các hoạt động kinh tế xã hội.

#### 3.3.3 Mối liên kết giữa các thành phố

Cần thiết lập các “mối liên kết liên thành phố hàng đầu” giữa khu vực Trung tâm Hà Nội và thành phố mới Hoà Lạc và tiếp theo đó là việc thiết lập các “mối liên kết thứ cấp” giữa thành phố mới Hoà Lạc và các thành phố khác dọc theo Hành lang 21. Điều này có nghĩa là ảnh hưởng dây chuyền tới khu vực Sơn Tây, Xuân Mai và Miếu Môn sẽ còn bị giới hạn cho đến khi có những phát triển đáng kể diễn ra ở Khu vực Hoà Lạc. Tuy nhiên, xét về mặt xây dựng, một khối liên kết chặt chẽ giữa khu vực Hoà Lạc, Xuân Mai và Miếu Môn sẽ được thiết lập trong toàn bộ tiến trình phát triển đô thị Hoà Lạc Xuân Mai.

#### 3.3.4 Sơn Tây

Sơn Tây chủ yếu là một trung tâm dịch vụ du lịch dọc Hành lang do nó có rất nhiều khu di sản văn hoá và du lịch như Hồ Suối Hai, Hồ Đồng Mô và Núi Ba Vì. Từ Hà Nội có thể dễ dàng tiếp cận Sơn Tây bằng Quốc lộ 32, đường cao tốc Láng Hoà Lạc, Quốc lộ 21A và sông Hồng. Một dự án xây dựng làng văn hoá dự kiến sẽ được tiến hành bên hồ Đồng Mô nơi mà không chỉ dân cư Hà Nội mà còn cả du khách nước ngoài sẽ đến thăm quan. Các ngành dịch vụ du lịch và các ngành công nghiệp sẽ được bố trí trong khu vực Sơn Tây bao gồm các khách sạn, nhà hàng, cửa hàng lưu niệm, ngành tiểu thủ công nghiệp v.v.

Sơn Tây cũng sẽ là trung tâm mua bán các loại hàng tươi sống như rau, hoa quả, cá và thịt cũng như nông sản đã qua chế biến. Cùng với sự phát triển của Hoà Lạc, một số

chức năng giáo dục, nghiên cứu triển khai sẽ lan rộng ra Sơn Tây do vị trí cận kề của nó với Hoà Lạc.

Sự phát triển đô thị của Sơn Tây trong tương lai sẽ bao gồm việc mở rộng ra xung quanh và hoà hợp với cơ cấu đô thị và các cộng đồng hiện thời.

### 3.3.5 Xuân Mai

Xuân Mai sẽ là trung tâm của các hoạt động thương mại công nghiệp cũng như là trung tâm phân phối hàng hoá. Đây cũng là nơi tập kết của một số công trình quân đội di chuyển từ Hoà Lạc nên Xuân Mai cũng có những chức năng quốc phòng quan trọng. Do vị trí cận kề với Hoà Lạc, sự phát triển công nghiệp sẽ lan rộng sang Xuân Mai trong thời gian ngắn. Các ngành công nghiệp sản xuất thương mại sẽ được thu hút đến Xuân Mai do gần với các khu vực thứ yếu theo đường QL 6 và QL 21.

Sự phát triển khu đô thị Hoà Lạc Xuân Mai sẽ tạo ra nhiều nhu cầu xây dựng lớn bao gồm việc sản xuất các vật liệu và thiết bị xây dựng. Khu vực Xuân Mai và Miếu Môn sẽ là trung tâm của các ngành công nghiệp xây dựng nhằm hỗ trợ đô thị phát triển.

Cùng với các trường phổ thông, cao đẳng và các trung tâm hướng nghiệp hiện có, Xuân Mai sẽ giữ nguyên là một trung tâm giáo dục và đào tạo trong khu vực. Sự phát triển đô thị Xuân Mai trong tương lai sẽ theo hình thức mở rộng ra xung quanh sao cho phù hợp với cơ cấu đô thị và các cộng đồng hiện thời.

### 3.3.6 Miếu Môn

Quy hoạch Tổng thể của Bộ Xây dựng chỉ ra khả năng phát triển một sân bay Quốc tế Miếu Môn mới trong giai đoạn quy hoạch (2020). Nếu điều này thành hiện thực thì sẽ có rất nhiều tiềm năng phát triển được tạo ra như dịch vụ chở khách, các ngành công nghiệp công nghệ cao, trung tâm kinh doanh ngoại thương, du lịch và hội nghị v.v. Do có khả năng phát triển một sân bay ở khu vực này nên các ngành công nghiệp tiềm năng sẽ bị các ngành công nghiệp xây dựng bao gồm các ngành công nghiệp sản xuất thiết bị và vật liệu xây dựng lấn át như trường hợp của thành phố Xuân Mai.

Trong lĩnh vực sản xuất, ngành sản xuất bê tông đúc sẵn phục vụ các công trình xây dựng khác nhau được xem là ngành công nghiệp tiềm năng trên cơ sở phát huy công suất của các nhà máy bê tông đúc sẵn hiện có và nguồn cốt liệu bê tông để khai thác từ các mỏ gần đây. Mặc dầu còn phụ thuộc vào sự phát triển công nghệ trong tương lai, việc sử dụng các sản phẩm bê tông đúc sẵn trong lĩnh vực xây dựng nhà ở cũng như trong Phát triển Đô thị Hoà Lạc và Xuân Mai sẽ trở thành nhu cầu lớn.

## 3.4 Chính sách phát triển nguồn nhân lực

### 3.4.1 Phát triển nguồn nhân lực

#### (1) Chính sách phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam

Mục tiêu giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo thể hiện trong Bảng 3.4.1. Tỷ lệ kỹ sư/kỹ thuật viên, công nhân lành nghề sẽ thay đổi từ 1 / 1.6 / 3.6 hiện tại lên 1 / 2 / 7.5 vào năm 2010, và 1 / 2.5 / 9 vào năm 2020.

**Bảng 3.4.1 Dự đoán cơ cấu đào tạo**

Đơn vị: % toàn bộ lực lượng lao động

	2000	Giai đoạn-1A*	Giai đoạn -1B	Giai đoạn - 2
Lao động có tay nghề	15.0	23.0	30.0	45.0
Bằng cử nhân	5.0	8.0	11.0	17.5
Chứng chỉ	10.0	15.0	19.0	27.5
Kỹ thuật viên	5.0	6.5	8.0	11.0
Kỹ sư	3.0	3.5	4.0	5.0
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.0</b>	<b>33.0</b>	<b>42.0</b>	<b>61.0</b>

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ghi chú: \*do Đoàn nghiên cứu dự tính

Để đạt được mục tiêu nói trên, số lượng học sinh tuyển vào mỗi cấp học dự tính trong Bảng 3.4.2:

**Bảng 3.4.2 Dự đoán tỷ lệ số lượng học sinh được tuyển vào Giáo dục phổ thông**

Unit: %

	2000	Giai đoạn-1A	Giai đoạn-1B	Giai đoạn-2
Tiểu học	95.0	97.0	98.0	100.0
Phổ thông cơ sở	70.0	80.0	88.0	95.0
Phổ thông trung học	37.0	40.0	45.0	60.0

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Các con số trên khá lạc quan nhưng Việt Nam phải vượt qua các thử thách về phát triển nguồn nhân lực để đạt được sự phồn vinh trong thế kỷ 21. Khó khăn nhất là thiếu các cơ sở chẳng hạn như lớp học, trang thiết bị, giáo án và giáo viên. Đặc biệt để đào tạo giáo viên mất một thời gian rất dài. Vì vậy, quan trọng là phải tức thời thiết lập hạt nhân cho phát triển nguồn nhân lực và tích lũy các công trình cơ sở liên quan để đầu tư được hiệu quả.

Khu vực dự án là vị trí thích hợp nhất làm trung tâm phát triển nguồn nhân lực vì ở đó có đủ diện tích đất và có các dự án quốc gia chẳng hạn như KCNC Hoà Lạc và ĐHQG đang tiến hành. Khu vực này phải đưa ra các cán bộ được đào tạo có chất lượng cao gồm các nhà nghiên cứu, kỹ sư, quản lý, kỹ thuật viên và công nhân lành nghề cho Việt Nam.

**(2) Dự tính nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục đại học ở Hoà Lạc**

**1) Dự tính trên cơ sở chính sách**

Đoàn nghiên cứu JICA dự tính nhu cầu của giáo dục đại học ở Hoà Lạc dựa trên cơ sở chính sách quốc gia (Bảng 3.4.3). Các điều kiện làm dự tính như sau:

- Các trường đại học và cao đẳng tư không xét đến vì các viện đại học tư chỉ ở Thành phố Hà nội và Hồ Chí Minh. Đoàn nghiên cứu JICA giả thiết rằng tỷ lệ trường tư là 12% vào năm 2005, 15 % vào năm 2010, 20 % vào năm 2020, có xét đến việc mở rộng và lập thêm một số trường mới.
- Chỉ xét đến sinh viên chính quy. Tỷ lệ sinh viên chính quy trong tổng số đã

giảm từ 85,5 % năm 1992 xuống 46,4 % năm 1996. Nhưng vào năm 1997 tỷ lệ này lại tăng lên 55,1 %. Đoàn nghiên cứu JICA giả thiết tỷ lệ sinh viên chính quy là 58 % in 2005, 60 % vào năm 2010, và 65 % năm 2020 vì ngày càng có nhiều học sinh tốt nghiệp vào học trường cao đẳng, đại học từ phổ thông trung học với tình hình kinh tế xã hội đang phát triển.

- Số sinh viên của các viện đại học ở Hà nội chiếm trên 30% tổng số. Đoàn nghiên cứu giả thiết số sinh viên ở Hà nội là 30% vào năm 2005, 25 % vào năm 2010 vì các trường đại học và cao đẳng ở nông thôn sẽ được mở rộng.
- Hiện nay, các trường cao đẳng chiếm 4% số. Đoàn nghiên cứu giả thiết là tỷ lệ này sẽ không thay đổi.
- Đoàn nghiên cứu JICA giả sử rằng khu vực Hoà Lạc sẽ cung cấp 20% nhu cầu người học đại học vì trường ĐHQG hiện nay chiếm 20% tổng số.

**Bảng 3.4.3 Số sinh viên ước tính ở Hoà Lạc**

	Giai đoạn-1A	Giai đoạn-1B	Giai đoạn-2
Số sinh viên ở khu vực Thủ đô Hà nội	190,000	244,000	424,000
Số sinh viên ở Hoà Lạc (dự tính)	38,000	48,800	84,800

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đoàn Nghiên cứu

## 2) Dự tính dựa trên cơ sở nhu cầu

### (a) Nhu cầu của các doanh nghiệp

Các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tuyển dụng nhân sự có trình độ cao chẳng hạn như kỹ sư và những nhà quản lý. Đoàn nghiên cứu đã ước tính nhu cầu theo các doanh nghiệp ở Hoà Lạc (Xem Bảng 3.4.4).

Điều kiện như sau:

- Theo điều tra qua bản câu hỏi, một doanh nghiệp trung bình tuyển dụng 15 sinh viên một năm.
- Số lượng các doanh nghiệp sẽ bố trí ở KCNC Hoà Lạc là 33 và ở KCN Phú Cát là 15.
- Đoàn nghiên cứu giả thiết doanh nghiệp tuyển dụng 30% nhu cầu từ Hoà Lạc. 70% còn lại được tuyển dụng từ các khu vực khác.
- Hoà Lạc là hạt nhân khoa học kỹ thuật. Điều này có nghĩa là những người được đào tạo ở Hoà Lạc sẽ đi khỏi Hoà Lạc. Đoàn nghiên cứu giả thiết rằng 80% lực lượng lao động được đào tạo ở Hoà Lạc sẽ ra đi. Hiện nay có 95% kỹ sư tập trung ở Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số sinh viên chưa tốt nghiệp nhiều gấp vài lần so với tổng số của các khoá đào tạo lấy bằng thạc sĩ và tiến sĩ. Đoàn nghiên cứu JICA giả thiết số sinh viên chưa tốt nghiệp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nhiều hơn 1,5 lần so với số sau đại học, 3 lần về khoa học nhân văn.

## Phát triển Hành lang 21

**Bảng 3.4.4 Số lượng sinh viên trong lĩnh vực khoa học và công nghệ**

Khu vực	Số sinh viên
Điện tử	800
Máy	900
Lý	200
Hoá	100
Luật	700
Quản lý	1.400
Kinh tế	600
Kế toán	500
Tổng cộng	5.200

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

### (b) Nhu cầu của các viện nghiên cứu

Nhân sự mà các viện nghiên cứu cần phải bằng thạc sĩ và tiến sĩ trong các lĩnh vực quản lý, kinh tế, máy và sinh học. Đoàn nghiên cứu JICA ước tính nhu cầu phát sinh từ các viện nghiên cứu dự kiến sẽ di chuyển đến Hoà Lạc và bằng 2/3 các viện quốc gia đặt ở Hà nội.

Điều kiện làm ước tính như sau:

- Theo điều tra qua bản câu hỏi, trung bình một viện nghiên cứu tuyển dụng 7,5 sinh viên một năm.
- Đoàn nghiên cứu JICA giả sử các viện nghiên cứu sẽ tuyển dụng 30% sinh viên từ Hoà Lạc và 80% nhân sự được đào tạo tại Hoà Lạc sẽ đến các khu vực khác.
- Đoàn nghiên cứu JICA giả đặt giả thiết 5 viện sẽ bố trí ở Hoà Lạc vào năm 2005.
- Số sinh viên chưa tốt nghiệp nhiều gấp 1,5 lần số sau đại học trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, 3 lần trong lĩnh vực khoa học nhân văn.

**Bảng 3.4.5 Các lĩnh vực học tập do các viện nghiên cứu yêu cầu**

Khu vực	Số sinh viên
Luật	100
Quản lý	200
Kinh tế	300
Chính trị	0
Điện tử	600
Máy	500
Vật lý	400
Sinh học	300
Hoá học	100
Tổng cộng	2.500

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

### (c) Nhu cầu của trường đại học

Như đã đề cập ở trên, đào tạo đội ngũ giảng viên là một trong những vấn đề cấp

bách. Nâng cấp chất lượng đội ngũ giảng viên cũng là một vấn đề nữa. Tỷ lệ mục tiêu về trình độ của đội ngũ giảng viên theo Bộ Giáo dục và Đào tạo được thể hiện trong bảng dưới đây.

**Bảng 3.4.6 Tỷ lệ mục tiêu về trình độ của đội ngũ giảng viên trong giáo dục đại học**

	Đơn vị: %			
	2000	Giai đoạn-1A*	Giai đoạn-1B	Giai đoạn-2
Cử nhân	58.0	44.0	30.0	20.0
Thạc sĩ	30.0	38.0	45.0	40.0
Tiến sĩ	12.0	18.0	25.0	40.0

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo, \* Đoàn nghiên cứu dự tính

Số lượng đội ngũ giảng viên trong giáo dục phân theo trình độ được dự tính trên cơ sở số sinh viên. Tỷ lệ giáo viên so với sinh viên giả thiết là 13,0% (số liệu năm 1995) (Xem bảng 3.4.7).

**Bảng 3.4.7 Dự đoán đội ngũ giảng viên trong giáo dục đại học**

	Đơn vị: 1,000 người			
	2000	2005	2010	2020
Tỷ lệ (%)	7.8	7.7	7.7	7.7
Số sinh viên	733	1,240	1,911	3,265
Số giảng viên	57	95	147	250
Bảng cử nhân	33	42	44	50
Bảng thạc sĩ	17	36	66	100
Bảng tiến sĩ	7	17	37	100

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA dự kiến

Đoàn nghiên cứu JICA giả thiết vài điều kiện dưới đây để dự tính nhu cầu năm 2005.

- Số lượng giảng viên ở bảng trên từ năm 2000 đến 2005 không kể số giảng viên thay thế những người về hưu. Những giáo viên thay thế sẽ được đào tạo ở trường đại học. Trước mắt, Hoà Lạc sẽ chỉ xét đến số liệu nói trên mà thôi.
- Đoàn nghiên cứu JICA giả thiết Hoà Lạc sẽ đào tạo 1/3 tổng nhu cầu đầu tạo đội ngũ giảng viên vì Hoà Lạc là trung tâm phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam.
- Số sinh viên chưa tốt nghiệp gấp hai lần số sau đại học.

Kết quả dự tính căn cứ vào nhu cầu của các trường giáo dục đại học là 12.000 sinh viên.

(d) Tổng nhu cầu phân theo các nhà đầu tư

Kết quả lập dự tính từng nhu cầu thể hiện trong bảng dưới đây:



**Bảng 3.4.8 Tổng nhu cầu nhân sự giáo dục đại học**

Nhu cầu của các doanh nghiệp	5,200
Nhu cầu của các viện nghiên cứu	2,500
Nhu cầu về giảng viên	12,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>19,700</b>

Số lượng 19.700 này là tổng nhu cầu theo phát triển của Hoà Lạc năm 2005. Hoà Lạc cần đào tạo nhiều người hơn để có thể đóng vai trò quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam, nếu không sẽ không thể hoàn thành được mục tiêu do Bộ Giáo dục Đào tạo đặt ra.

### 3.4.2 Di chuyển trường Đại học Quốc gia

#### (1) Sơ lược về chính sách của Chính phủ đối với ĐHQG

Dưới đây là hiện trạng của chính sách giáo dục đại học ở Việt Nam đưa đến dự án di chuyển ĐHQG đã đề xuất:

##### 1) Nhu cầu giáo dục đại học tăng

Hiện nay, số sinh viên đại học tăng lên đáng kể. Xu hướng này sẽ còn tiếp tục do thế hệ trẻ và ngày càng đông, tỷ lệ số lượng học sinh được tuyển cũng lớn hơn do thu nhập đầu người tăng. Việc tăng cường giáo dục đại học cả về mặt chất lượng và số lượng là rất cần thiết cho phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

Nhật Bản đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế nhanh bắt đầu từ năm 1960, khi tỷ lệ học sinh được tuyển chỉ khoảng 10%. Hiện nay, tỷ lệ ở Việt nam ở mức khoảng 4%. Trong hoàn cảnh nay, Chính phủ phải cố gắng hết sức mở rộng năng lực giáo dục đại học và đa dạng hoá các lĩnh vực giáo dục để đáp ứng nhu cầu khác nhau của xã hội.

Ở Việt Nam đã phát triển nhiều trường chuyên. Hầu hết các trường này đều có số lượng sinh viên rất ít. Việc mở rộng quy mô trường học bằng cách tổ chức lại và thống nhất các trường đại học sẽ giúp cho việc sử dụng nguồn lực giáo dục chẳng hạn như cán bộ nhân viên và các cơ sở trường đại học được hiệu quả hơn. Hiện nay, một số trường đã được tổ chức lại để trở thành trường đại học đa chức năng nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về giáo dục đại học. Theo chính sách của Chính phủ, ĐHQG dự kiến sẽ là một trường đại học đa chức năng và toàn diện bao gồm nhiều lĩnh vực rộng lớn của giáo dục và nghiên cứu.

ĐHQG hiện nay có năm trường trực thuộc đặt ở các địa điểm khác nhau trong Thành phố Hà nội. Đó là các trường Đại học Giáo dục Đại cương, Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội và Nhân văn, Sư phạm và Ngoại ngữ. ĐHQG có kế hoạch sẽ thống nhất các trường đại học trực thuộc vào một khu trường ở ngoại ô Thành phố Hà nội.

##### 2) Nhu cầu nghiên cứu triển khai và đào tạo kỹ sư có trình độ

Nói chung, Việt nam bị tụt hậu trong các lĩnh vực công nghệ và kĩ năng sản xuất trái ngược với trình độ khoa học cao của mình, thiếu công nhân lành nghề

và được đào tạo tốt rất cần thiết cho quá trình hiện đại hoá công nghiệp của đất nước, chủ yếu là do thiếu hệ thống đào tạo thực tế mà nguyên nhân là các trang thiết bị đã quá lỗi thời và do cán bộ không được đào tạo đầy đủ cả về mặt chất lượng lẫn số lượng.

Hiện nay, cuộc khủng hoảng kinh tế phổ biến đang lan tràn khắp các nước châu á đã giúp cho Việt nam thấy cần phải nhận biết được tầm quan trọng của công tác R&D đối với việc phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu. Hơn nữa, tầm quan trọng của khoa học tự nhiên cũng tăng lên đối với sự thúc đẩy R&D bằng việc đưa thành quả của các hoạt động nghiên cứu vào sản xuất và đổi mới công nghệ sản xuất. Vì vậy, cần gấp rút thúc đẩy R&D và củng cố hệ thống đào tạo kỹ sư và công nhân có tay nghề ở Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này, việc tăng cường khoa học và công nghệ trong nước đặc biệt là ở cấp giáo dục đại học có tầm quan trọng quốc gia. Trong tình hình này, Chính phủ lập kế hoạch di chuyển ĐHQG có xét đến thúc đẩy nghiên cứu triển khai cũng như các nhà nghiên cứu đào tạo và sinh viên trong các lĩnh vực công nghệ..

### 3) Vấn đề tập trung quá mức ở Hà nội

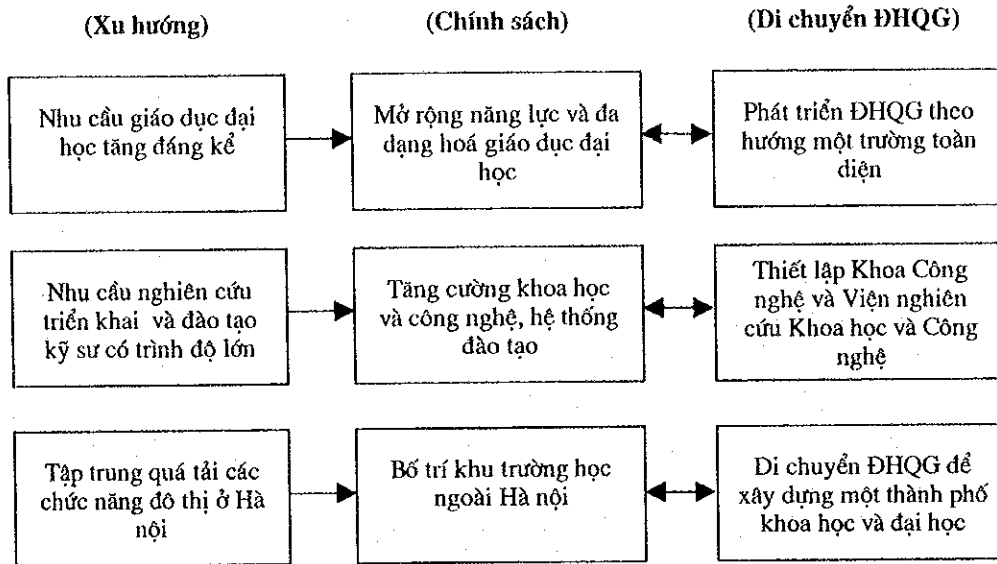
Để giảm bớt các vấn đề đô thị ngày càng gia tăng của Trung tâm Hà Nội do tập trung quá mức dân số và chức năng đô thị, Chính phủ đã và đang thúc đẩy việc di chuyển và thành lập mới các trường giáo dục đại học ngoài bên ngoài Trung tâm Hà Nội. Hiện nay, khu vực Hà nội chiếm 40% tổng số sinh viên đại học ở Việt Nam trên cả nước. Dân số của giáo dục đại học sẽ đưa đến luồng vào quá tải đến khu vực Hà nội trong một tương lai có thể thấy trước. Dự án di chuyển ĐHQG đến Hoà Lạc là phù hợp với chính sách của Chính phủ. Hình 3.4.1 thể hiện các vấn đề về chính sách của giáo dục đại học của Việt nam và di chuyển ĐHQG.

## (2) Các vấn đề về di chuyển Đại học Quốc gia

### 1) Đa chức năng và toàn diện

Dự kiến ĐHQG sẽ phát triển thành một trường đại học hàng đầu ở Việt Nam. Để có thể đáp ứng mọi nhu cầu cấp quốc gia và địa phương, ĐHQG phải trở thành một trường đại học toàn diện với các lĩnh vực giáo dục và học tập đa dạng. ĐHQG dự kiến sẽ thành lập thêm một số khoa cả về lĩnh vực ứng dụng và đa ngành. Những lĩnh vực này dự kiến sẽ góp phần phát triển công nghệ công nghiệp, quy hoạch thành phố, phúc lợi xã hội, môi trường tự nhiên và xã hội v.v. Đồng thời, ĐHQG có vai trò đáp ứng mọi nhu cầu của dân cư của thành phố mới. Do đó, ĐHQG cần phải đa dạng hoá các lĩnh vực giáo dục và học tập, các khoa học ứng dụng và thực hành, quan hệ quốc tế; thành phố mới có nhiều tiềm năng để trở thành một trung tâm giao lưu quốc tế.

## Phát triển Hành lang 21



Nguồn: Đoàn Nghiên cứu JICA

**Hình 3.4.1 Các vấn đề chính sách của giáo dục đại học ở Việt Nam và di chuyển Đại học Quốc gia**

### 2) Số sinh viên

Vì là trường đại học toàn diện, ĐHQG sẽ phát triển với một số lượng lớn sinh viên so với các trường đại học của Việt Nam. Việc thu hút sinh viên đến khu vực di chuyển của ĐHQG là rất cần thiết để kích hoạt thành phố mới Hoà Lạc.

Cần phải cân nhắc kỹ số sinh viên tối đa của ĐHQG trong khu vực di chuyển cụ thể là chú trọng đến các kế hoạch lựa chọn; (a) quản lý hành chính đối với các khoa đã di chuyển hoặc (b) phối hợp quản lý với các trường thành viên. Cũng cần chú ý đến cuộc sống của sinh viên trong trường đại học, đội ngũ giảng viên, nhân viên và thói quen của họ, những ảnh hưởng của môi trường đến cuộc sống của người dân.

Theo tiêu chuẩn xây dựng và sử dụng đất của Chính phủ Nhật Bản thì có thể bố trí cho 60.000 sống trong khu vực ĐHQG chuyển đến với diện tích là 1.000 ha.

### 3) Vấn đề mở rộng và sát nhập của ĐHQG

Theo Quy hoạch di chuyển ĐHQG, ĐHQG sẽ phát triển không chỉ bằng cách sát nhập các trường đại học trực thuộc mà còn cả các trường đại học không trực thuộc trong tương lai. Tuy nhiên, ngay cả các trường trực thuộc cũng hơi e ngại về việc sát nhập trong khu di chuyển do sợ mất đi tính chủ động và bản sắc riêng của mình và mối lo lắng này còn nặng nề hơn đối với các trường không trực thuộc.

Các trường này cần phải được quyền giữ nguyên tính độc lập ngay cả sau khi di chuyển vào khu vực ĐHQG. Để thu hút các trường trực thuộc và không trực

thuộc đến khu vực di chuyển, cần phải sắp xếp một cách linh hoạt về mặt tổ chức cũng như là thể chế, bao gồm những phương án sau.

- (a) Hoàn toàn gia nhập ĐHQG và là một bộ phận của ĐHQG hoặc
- (b) Nằm trong khuôn viên của ĐHQG nhưng vẫn độc lập, duy trì mối quan hệ hợp tác với ĐHQG.

Về thuật ngữ thể hiện bố trí linh hoạt về tổ chức và cơ cấu thể chế báo cáo của chúng tôi xem thuật ngữ “khoa” là một bộ phận của ĐHQG hay một trường đại học khác cũng như một trường cụ thể để tìm môi trường lý tưởng cho khu vực nghiên cứu.

Với sự tham gia của các trường khác vào khu vực ĐHQG di chuyển chuyển đến, rất nhiều các hoạt động giáo dục và nghiên cứu của ĐHQG sẽ được thúc đẩy có hiệu quả. Khả năng bố trí các trường đại học khác kể cả trường nước ngoài hoặc chi nhánh của các trường này bên ngoài khu ĐHQG cũng cần phải kiểm tra trên quan điểm phát triển tổng thể thành phố mới Hoà Lạc.

Viện Công nghệ Á Châu mà có một chi nhánh với các chương trình đào tạo về Quản trị Kinh doanh ở Hà Nội đang có kế hoạch xây dựng thành lập nó ở Thành phố mới. Việc mở cửa cho các trường đại học nước ngoài vào sẽ khuyến khích sự giao lưu văn hoá và học tập quốc tế với các trường và viện của Việt Nam.

Các chương trình hợp tác của ĐHQG với các trường đại học nước ngoài sẽ góp phần phát triển mọi hoạt động của ĐHQG. Về các trường đại học Nhật Bản, Trường Đại học Công nghệ Tokyo đã đồng ý hợp tác nói chung với ĐHQG và Trường Đại học Bách khoa. Ngoài ra, Trường Đại học Ritsumeikan cũng đồng ý với Trường Đại học Bách khoa. Trường Đại học Teikyo có các chương trình giao lưu với Đại học Bách khoa. Về mặt này, quan trọng là mạng lưới giữa ĐHQG và các trường đại học và viện khác nhằm hoạt động đa chức năng. Việc đa dạng hoá ĐHQG liên quan đến nhiều Viện và cơ quan hữu quan. Đặc biệt cần phải giành được sự hỗ trợ từ các tổ chức Chính phủ trong đó có Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 4) Xây dựng một thành phố khoa học và đại học

Dự án di chuyển ĐHQG là một bộ phận cốt lõi trong các dự án xây dựng của thành phố mới. Sự tồn tại của các trường đại học khoa học tự nhiên và công nghệ cùng các viện nghiên cứu sẽ là biểu tượng của thành phố mới. Vì vậy, cần phải ưu tiên di chuyển trước trường đại học khoa học tự nhiên và các viện liên kết khác.

Ở Nhật Bản, các viện nghiên cứu của trường Đại học Tsukuba là bộ phận cấu thành quan trọng của Thành phố Khoa học và Đại học Tsukuba. Gần đây, trường Đại học Tokyo đã thành lập một số chi nhánh của Khoa CN ở thành phố Kashiwa tại ngoại ô của Tokyo nhằm tìm kiếm một môi trường lý tưởng để nghiên cứu.

Dự kiến ĐHQG sẽ hoạt động như một trung tâm công cộng cơ bản trong thành

## Phát triển Hành lang 21

phố mới Hoà Lạc và sẽ đáp ứng mọi nhu cầu của dân cư. Về mặt này, một số công trình của ĐHQG cần phải được xây dựng trên cơ sở xem xét đến vấn đề sử dụng của người dân. Hạng mục công trình sẽ bao gồm bệnh viện và các trung tâm chăm sóc sức khỏe khác, các viện bảo tàng, các công trình thể thao, thư viện v.v... Cần phải mở cửa các công trình này cho người dân.

Mặt khác, cần phải tạo ra cơ sở vật chất và các dịch vụ thiết yếu phục vụ mọi hoạt động của ĐHQG và cuộc sống hàng ngày của giáo viên và học sinh. Cơ sở vật chất và dịch vụ bao gồm các hệ thống giao thông, cung cấp điện, nước, viễn thông, hệ thống vệ sinh và rác thải, công viên, nhà ở và mọi dịch vụ thành phố v.v.

Khuôn viên ĐHQG cũng cần được thiết kế cẩn thận, chú ý đến việc cải tạo môi trường của cả thành phố mới. Một vấn đề khác cũng cần phải được xem xét là mọi hoạt động và cuộc sống hàng ngày của giáo viên và sinh viên sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân.

Trong bối cảnh này, cần phải tránh sự tập trung quá tải của các sinh viên trong khu vực di chuyển của ĐHQG. Vì vậy, khả năng bố trí các trường đại học cũng cần phải được xem xét lại không chỉ trong khu vực di chuyển của ĐHQG mà còn trong các khu vực khác trên phương diện hài hoà với môi trường của các thành phố. Tới năm 2020, sự phát triển của thành phố cùng với các viện và trường đại học trong và ngoài khu vực di chuyển của ĐHQG sẽ tạo ra tổ hợp giáo dục nghiên cứu một cách tự nhiên.

### 7) Tuyển dụng sinh viên và giảng viên

Một trong những vấn đề quan trọng là làm sao tuyển dụng được một đội ngũ giáo viên và các nhà nghiên cứu tài năng cũng như sinh viên giỏi vào trường Đại học đã di chuyển. Cần phải có những biện pháp khuyến khích nhằm thu hút họ như cấp nhà, lương bổng hấp dẫn, các điều kiện hấp dẫn về trường sở và cuộc sống hàng ngày v.v... Ví dụ như lương thưởng cũng là một cách. Trong trường hợp dự án thành phố đại học Tsukuba ở Nhật Bản, nhân viên của trường đại học Tsukuba và các cơ quan chính phủ khác được quyền có tiền thưởng (nhiều nhất là 8% số tiền lương) trong một khoảng thời gian giới hạn sau khi khởi công xây dựng thành phố.

Thực tế là còn có một số trường đại học cạnh tranh khác trong khu vực Trung tâm Hà Nội, nếu trường ĐHQG sau khi di chuyển không tạo ra được những điều kiện hấp dẫn thì việc tuyển dụng sẽ gặp nhiều khó khăn. Việc quy hoạch số sinh viên cũng cần phải cẩn thận, cần nhắc khả năng của ĐHQG và tính hấp dẫn của các công trình trong khuôn viên và môi trường sống phục vụ đội ngũ giáo viên và sinh viên.

Việc đào tạo và tuyển dụng đội ngũ giáo viên cần phải được bắt đầu nhằm chuẩn bị cho việc mở rộng và thành lập các khoa mới ở giai đoạn sau thực hiện việc di chuyển ĐHQG. Trong khi đa phần giảng viên của ĐHQG quá tuổi 55 thì cấp thiết phải bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trẻ hơn.

Có hai cách đào tạo và tuyển dụng giáo viên:

(a) Đào tạo

- Đào tạo thông qua các khoá tốt nghiệp của ĐHQG
- Đào tạo những sinh viên đã tốt nghiệp của ĐHQG trong các trường đại học hoặc học viện khác (bao gồm hệ thống chuyển giao giữa ĐHQG và các trường đại học khác).
- Học tập ở nước ngoài

(b) Tuyển dụng

- Tuyển dụng các sinh viên tốt nghiệp và đội ngũ giáo viên của ĐHQG
- Tuyển dụng đội ngũ giáo viên, các nhà nghiên cứu từ các trường đại học khác, công ty khác ở trong và ngoài nước kể cả Việt kiều có trình độ

Để tuyển dụng giáo viên cho các trường đại học và các viện, không chỉ đưa ra những điều kiện hấp dẫn cho các ứng cử viên mà còn phải giữ mối quan hệ với các tổ chức có liên quan nhằm đảm bảo những người có trình độ. Nhiều giáo viên của ĐHQG được đào tạo trong các trường đại học ở nước ngoài. Cần phải chú trọng đến tầm quan trọng của việc đào tạo đội ngũ giáo viên ở nước ngoài.

6) Cơ sở hạ tầng hỗ trợ

Các cơ sở hạ tầng hỗ trợ như hệ thống giao thông, hệ thống nước, điện, viễn thông, vệ sinh và rác thải, v.v... cần phải được đưa ra trong một khoảng thời gian hợp lý với chất lượng dịch vụ thích hợp. Tuy nhiên, dự tính là ĐHQG không thể quản lý việc phát triển cơ sở hạ tầng. Nói cách khác, ĐHQG phải hợp tác chặt chẽ với các cơ quan hữu quan chịu trách nhiệm phát triển cơ sở hạ tầng.

7) Đào tạo sinh viên học ngoài giờ

Các cơ sở đào tạo sinh viên học ngoài giờ của ĐHQG, những người có việc làm tại Hà Nội cần được giữ lại ở Hà Nội ngay cả sau khi di chuyển ĐHQG đến Hoà Lạc.

(3) Quá trình di chuyển ĐHQG

Trường đại học Oxford và Cambridge của Anh được thành lập vào cuối thế kỷ thứ 12 và trường Đại học Tổng hợp Tokyo của Nhật bản thành lập cách đây 100 năm. Các trường đại học nổi tiếng này đã trải qua rất nhiều thay đổi trong các cơ sở của trường theo những biến đổi về văn hoá và khoa học trong một thời gian rất dài. Vì lý do đó việc lập quy hoạch phát triển khu trường cần phải có nền tảng lâu dài. Di chuyển ĐHQG sẽ được tiến hành theo trình tự sau đây:

1) Giai đoạn-1A (đến năm 2005) Quá trình chuẩn bị và di chuyển trường đại học trực thuộc

- (a) Giai đoạn chuẩn bị bao gồm hình thành ý kiến thống nhất về việc di chuyển giữa các trường trực thuộc, phân bổ ngân sách, chuẩn bị tài trợ dự án, thu dụng đất của khu vực bố trí lại trường.

## Phát triển Hành lang 21

- (b) Bước đầu tiên di chuyển ĐHQG, sẽ thành lập Khoa Công nghệ bằng cách tổ chức lại trường Đại học Khoa học Tự nhiên. Cả ưu tiên di chuyển đại học Khoa học Tự nhiên và thành lập Khoa Công nghệ mà sẽ gắn bó chặt chẽ với dự án phát triển KCNC Hoà Lạc.

Ngoài ra, sẽ thành lập một “viện nghiên cứu khoa học và công nghệ” vào giai đoạn này. Viện sẽ được trang bị một “phòng thí nghiệm mở” mang chức năng hạt nhân. Để hàng ngày đào tạo sinh viên và các hoạt động nghiên cứu của trường Khoa học Tự nhiên, các cơ sở thí nghiệm liên kết là không thể thiếu. Vì vậy phải đảm bảo cấp vốn để di chuyển hoặc cải tạo các cơ sở thí nghiệm.

- (c) Các khoa Luật, Kinh tế và Tài chính sẽ được thành lập bằng cách tổ chức lại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Qua việc thành lập những khoa này hy vọng ĐHQG có thể đương đầu với các khó khăn nảy sinh trong quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hóa của nền kinh tế và xã hội Việt Nam, đặc biệt về công tác quản lý R&D và các hoạt động kinh doanh có liên quan của KCNC Hoà Lạc.
- (d) Các viện và cơ sở liên quan phải được thành lập để phát triển giáo dục và nghiên cứu rộng khắp cả nước cũng như xây dựng mối liên hệ lẫn nhau với các viện nước ngoài.
- (e) Trong quá trình tái tổ chức, điều chỉnh và thống nhất các chức năng của các trường, các khoa, các viện, ĐHQG sẽ từng bước tiến tới một trường đại học toàn diện..

### 2) Giai đoạn 1B (đến năm 2010)

Quy mô của các lĩnh vực tập trung vào khu vực di chuyển ĐHQG sẽ được đa dạng hoá bằng cách bổ sung các lĩnh vực mới phù hợp với sự tiến bộ của xã hội Việt nam. Các lĩnh vực này bao gồm, nhưng không hạn chế, chữa bệnh và phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường, kiến trúc để xây dựng thành phố, phát triển quan hệ quốc tế.

### 3) Giai đoạn 2 (đến năm 2020) trở đi

- (a) Tổ chức và các cơ sở trong khu vực di chuyển ĐHQG sẽ phát triển và đa dạng hoá theo việc mở rộng quy mô của các hoạt động giáo dục, nghiên cứu và văn hoá cùng với việc tăng số sinh viên và cán bộ nhân viên. Trong giai đoạn này, một tổ hợp các trường đại học, các viện sẽ xuất hiện bên trong và ngoài khu vực di chuyển ĐHQG và mạng lưới xung quan cũng sẽ được xây dựng.
- (b) Với việc phát triển công nghiệp và cải thiện mức sống, sau này sẽ bổ sung thêm các lĩnh vực như mỹ thuật và văn hoá (sau năm 2020).

Di chuyển ĐHQG sẽ tiến hành theo nhịp độ với các dự án khác phát triển xây dựng Hoà Lạc.

Khuôn khổ phát triển về mặt số lượng sinh viên trình bày trong bảng 3.4.9.

Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ tháng 9 năm 1998, cơ cấu tổ chức giáo dục phổ thông sẽ bị xoá bỏ. Về khuy nh hướng này, số sinh viên chưa tốt nghiệp có kể cả các khoá giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục phổ thông.

**(4) Tăng cường nghiên cứu, đào tạo công nghệ và liên kết với KCNC Hoà Lạc**

Tăng cường các chức năng của ĐHQG về công tác nghiên cứu và đào tạo thực tế cần phải ưu tiên trước hết. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên bao quát mọi lĩnh vực khoa học sáng tạo và ứng dụng nhưng không bao quát các lĩnh vực công nghệ sản xuất ứng dụng. Ở Việt Nam, các trường khoa học tự nhiên và công nghệ đều được phát triển tách biệt ở trình độ giáo dục đại học. Tuy nhiên, khoa học và kỹ thuật đang trở nên tương hỗ để thúc đẩy nghiên cứu và triển khai.

Ngược lại, ở Nhật Bản, các trường đại học bao quát các lĩnh vực khoa học tự nhiên cũng như công nghệ là rất phổ biến, trong số đó, trường Đại học Tokyo là ví dụ đầu tiên. Các trường đại học Nhật chú trọng vào giáo dục ở cấp đại học những lĩnh vực như công nghệ và khoa học tự nhiên, khuyến khích để theo kịp các nước có nền công nghiệp tiên tiến. Một trong những đặc điểm của giáo dục đại học của Nhật là sinh viên trong Khoa CN chiếm tỷ lệ cao so với tổng số sinh viên ở các trường đại học.

Việc tăng cường trường đại học Khoa học Tự nhiên là một vấn đề cấp bách. Nói chung ở Việt Nam các khoá học sau đại học của các trường đại học rất ít trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên so với của các trường quốc gia. Ngày nay ở Nhật bản ngày càng có nhiều trường quốc gia có chức năng cấp bằng tiến sĩ. Xu hướng này phản ánh tiến trình chuyên môn hoá nhanh chóng của khoa học và công nghệ. Đồng thời, việc cải tạo các trường đại học của Nhật bản là một vấn đề cấp bách để đem lại sức sống cho các hoạt động giáo dục và nghiên cứu.

Công tác nghiên cứu mà đối tượng của nó đã được xác định rõ có thể được tiến hành một cách có hiệu quả ở các viện. Ngược lại, các trường đại học có một lợi thế không kém về những nghiên cứu chủ yếu mà phụ thuộc rất nhiều vào các những sáng kiến và tính độc đáo của từng nghiên cứu riêng.

Về điểm này cả hai đất nước đều có những vấn đề giống nhau với các trường đại học. Với hệ thống đại học toàn diện và các cán bộ tài năng, Đại học Khoa học Tự nhiên dự kiến sẽ giành lấy vai trò đi đầu trong phát triển khoa học tự nhiên và đồng thời đóng góp vào hàng loạt các lĩnh vực cần các phương pháp liên ngành chẳng hạn như sử lý sinh thái để bảo vệ môi trường cho thành phố mới bao gồm cả khu vực ĐHQG di chuyển đến.

Ngoài ra, ĐHQG có tiềm năng rất lớn trong việc nâng cao R&D, giữ mối liên kết chặt chẽ với Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. ĐHQG phải giữ vai trò năng động trong việc phát triển nghiên cứu và giáo dục công nghệ dựa trên các môn khoa học liên quan khác. Hơn nữa, việc thành lập Khoa CN và các viện nghiên cứu liên quan phối hợp với các viện khác sẽ bố trí trong KCNC Hoà Lạc là rất cần thiết đối với sự phát triển nghiên cứu triển khai. Khoa CN sẽ bao quát các lĩnh vực công nghệ thông tin (tin học, điện tử, viễn thông), công nghệ sinh học, cơ khí, vật liệu mới, năng lượng mới là những thành phần được ưu tiên của KCNC Hoà Lạc.

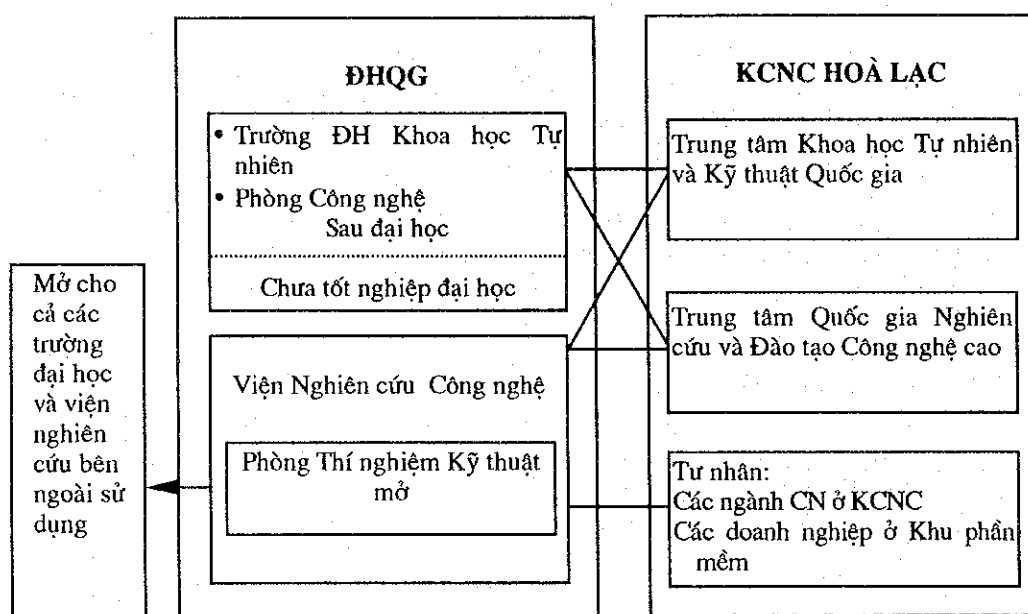


## Phát triển Hành lang 21

Cùng với việc thành lập của Khoa CN, một Viện NCCN sẽ được thành lập. Viện nghiên cứu này sẽ được trang bị với Phòng Thí nghiệm Kỹ thuật (TNKT) không chỉ phục vụ Khoa CN mà còn các trường đại học và các viện nghiên cứu bên ngoài đặc biệt là các viện và trường đại học ở bên trong KCNC Hoà Lạc. Dự kiến Viện NCCN và Phòng TNKT sẽ liên kết với các viện bên ngoài thông qua hợp tác thực hiện nghiên cứu triển khai.

Để phát triển các lĩnh vực công nghệ cần thiết đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam thì các viện nghiên cứu hàng đầu như Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, Trường Đại học Bách Khoa (ĐHBK) và các chi nhánh của nó phải chuyển lên thành phố mới Hoà Lạc. Các cơ quan Chính phủ hữu trách cần phải khuyến khích sự di chuyển này, nhờ vậy, các hoạt động hợp tác và mạng lưới giữa ĐHQG và các viện nghiên cứu khác sẽ tạo cơ sở cho việc thúc đẩy nghiên cứu và giáo dục công nghệ.

Hình sau chỉ ra mối quan hệ giữa ĐHQG và KCNC Hoà Lạc, như Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia hoặc các chi nhánh của các đơn vị này trong KCNC Hoà Lạc sẽ rất quan trọng. Sự tồn tại của ĐHQG cùng với Viện NCCN và Phòng TNKT sẽ là các yếu tố khuyến khích đáng kể các viện khác trong KCNC Hoà Lạc.



Nguồn: Đoàn Nghiên cứu JICA

Hình 3.4.2 Mối liên hệ chức năng giữa ĐHQH và KCNC Hoà Lạc

**(5) Định hướng cơ bản lập quy hoạch khu trường đại học**

Cần cân nhắc kỹ lưỡng đến những điểm sau khi hình thành quy hoạch khu đại học:

- (a) Phân kỳ phát triển hài hoà với cộng đồng địa phương;
- (b) Đảm bảo đường dẫn vào các công trình, viện và các cơ sở khác vì diện tích của ĐHQG rất lớn;
- (c) Tạo nên không gian hấp dẫn phù hợp với giáo dục các sinh viên tài năng trẻ;
- (d) Vì mục đích nói trên, cần thận trọng khi lập quy hoạch các công trình, quy hoạch sử dụng đất có tính đến việc cung cấp năng lượng cần thiết, xử lý chất thải và rác thải, hệ thống thông tin liên lạc, khả năng đi lại và tiếp cận.
- (e) Khu trường quay về trung tâm đô thị mới phải mở cửa tự do để đáp ứng nhu cầu của cư dân thành phố mới và dân địa phương;
- (f) Về mối liên kết KCNC Hoà Lạc, Viện nghiên cứu khoa học và công nghệ nên bố trí dọc các con đường nối với các khu vực ĐHQG, KCNC Hoà Lạc. Sự liên kết giữa ĐHQG và KCNC Hoà Lạc là biểu tượng cho các chức năng thống nhất của hai bên.
- (g) Về mối liên hệ lẫn nhau về học hành giữa các khoa (gồm các trường trực thuộc) vị trí của chúng nên nhóm thành hai vùng: Khoa học tự nhiên/Công nghệ, Khoa học xã hội, Sư phạm/Ngoại ngữ và Chăm sóc sức khoẻ/Dịch vụ xã hội.
- (h) Khu vực xây dựng phải bố trí chặt chẽ qua việc sử dụng đất trong giai đoạn 1 (đến năm 2010). Như vậy, thiết kế phải đủ linh hoạt để điều chỉnh những thay đổi có thể xảy ra khi các công trình riêng lẻ sẽ lớn lên về quy mô.

**(6) Khoa Công nghệ và Viện Khoa học và Công nghệ**

Các môn học của trường Đại học Khoa học Tự nhiên bao hàm các lĩnh vực nghiên cứu triển khai cần để phát triển ngành công nghiệp và xã hội cũng như cải thiện môi trường. Các lĩnh vực này gồm toán học, vật lý, tin học, điện tử — viễn thông, hoá học, sinh học, môi trường, v.v. Vì vậy giảng viên của trường và các nhà nghiên cứu có thể làm cho Khoa Công nghệ. Khoa này có cả khoá chưa tốt nghiệp và sau đại học. Các khoá học nhằm mục đích sản sinh ra các kỹ sư có năng lực để áp dụng các lý thuyết cơ bản và kỹ năng công nghệ thực tiễn. Trong các niên học, các khoá chưa tốt nghiệp sẽ có các khóa học trừ bị gồm các lĩnh vực khoa học tự nhiên liên quan đến các khóa học chuyên ngành và khoa học xã hội nói chung. Các khóa học chuyên ngành sẽ bắt đầu với những lĩnh vực cơ bản gồm có điện tử, hoá học, công nghệ sinh học và cơ khí. Các khoá sau đại học sẽ được tổ chức để thúc đẩy các nghiên cứu liên ngành về tin học, điện tử - viễn thông, công nghệ sinh học, và vật liệu mới mà cần phải bắt đầu ngay từ giai đoạn đầu. Những sinh viên sau đại học dự kiến sẽ là các nhà nghiên cứu có trình độ để làm việc cho các viện, các công ty trong khu vực KCNC Hoà Lạc.

## Phát triển Hành lang 21

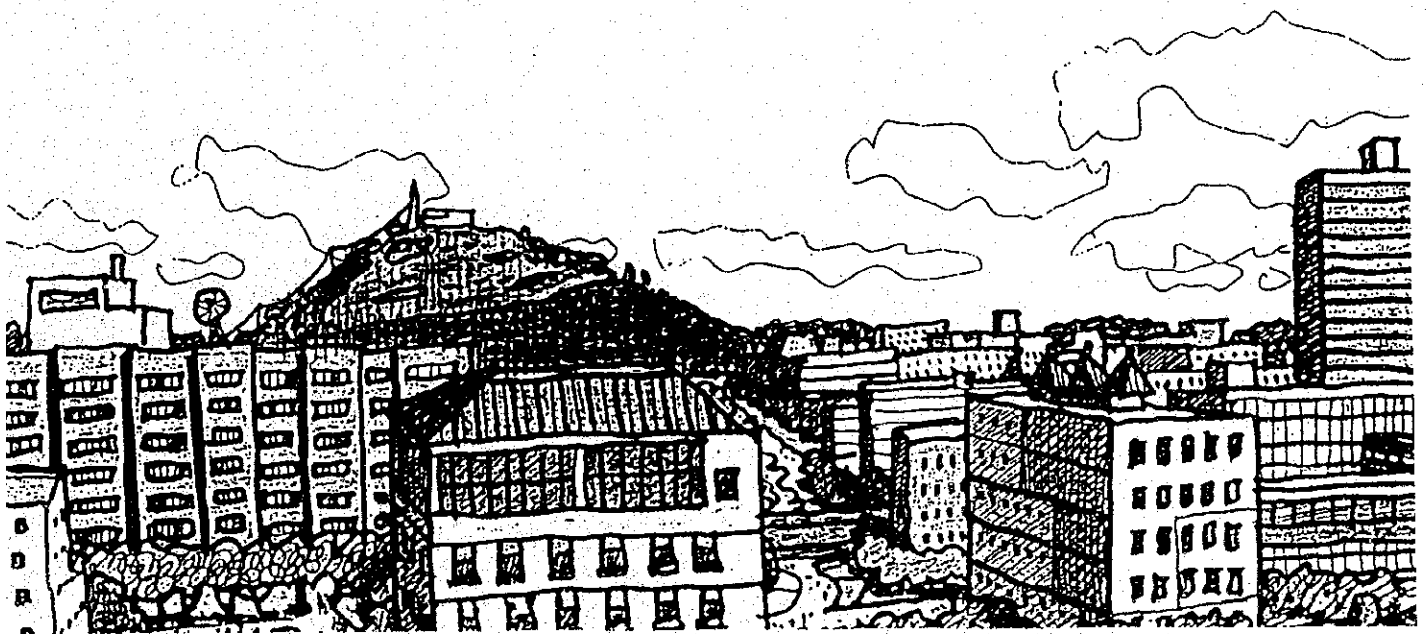
Cùng với Khoa Công nghệ, Viện Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ cũng sẽ được thành lập. Chức năng của viện này là tổ chức các khoá đào tạo thực hành chủ yếu cho sinh viên và các nhà nghiên cứu của Khoa Công nghệ và trường Đại học Khoa học Tự nhiên. Viện Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ sẽ bắt đầu với các phòng thí nghiệm có các thiết bị cơ bản để đào tạo chuyên môn. Tổ chức của viện gồm cán bộ đào tạo, nghiên cứu và quản lý các phòng thí nghiệm. Để thúc đẩy đào tạo, R&D và giao lưu sinh viên, giảng viên và các nhà nghiên cứu, viện dự tính sẽ mở rộng quan hệ hợp tác với các trường và viện bên ngoài, đặc biệt là với Viện Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia có các chi nhánh bố trí trong khu vực KCNC Hoà Lạc.

Công tác đào tạo của Khoa Công nghệ và Viện Nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật có những đặc điểm sau:

- (a) Công nghệ cơ bản dựa trên khoa học tự nhiên cốt lõi liên kết chặt chẽ với các môn học của trường Đại học Khoa học Tự nhiên và những công nghệ được thiết kế nhưng không xác định hạn hẹp sao cho có thể ứng dụng rộng rãi vào các công trình mà các ngành công nghiệp cần.
- (b) Đào tạo thực tế với các thiết bị tốt để thí nghiệm, đo đạc, phân tích, xử lý dữ liệu, và lập mạng lưới thông tin.
- (c) Khuyến khích tính làm chủ của sinh viên bằng cách chuẩn bị các chương trình đào tạo quản trị kinh doanh; Các chương trình này sẽ được tổ chức hợp lý với sự hỗ trợ của các khoa liên quan của các trường trực thuộc và các viện kể cả trường kinh doanh của ĐHQG..
- (d) Giao lưu sinh viên, giáo viên, các hoạt động nghiên cứu hợp tác (thảo luận, hội thảo, đề án liên danh, v.v.) giữa Khoa Công nghệ và Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, các trường đại học và các viện khác, trong và ngoài nước.
- (e) Các hoạt động hợp tác với các ngành công nghiệp qua các đề án liên danh nghiên cứu triển khai và đào tạo các nhà nghiên cứu.
- (f) Trung tâm thiết kế và tổ chức hệ thống mạng thông tin của ĐHQG kể cả giáo dục về báo chí.

# CHƯƠNG 4

KỊCH BẢN  
VÀ  
KHUÔN KHỔ PHÁT TRIỂN



2023年11月10日

---

## CHƯƠNG 4 KHUÔN KHỔ VÀ KỊCH BẢN PHÁT TRIỂN

---

### 4.1 Kịch bản và qui mô phát triển

Tính thực tế phát triển Hành lang 21 cần được nghiên cứu cẩn thận như làm thế nào để đưa ra được các chức năng đô thị đa dạng và ổn định dân cư nhằm tạo ra các thành phố vệ tinh mới trong Hành lang 21. Sự phát triển đô thị trên quy mô lớn không chỉ được tạo ra bằng những mệnh lệnh hành chính hoặc các biện pháp chủ quan xét trên phương diện quy hoạch đô thị. Vấn đề thực tế là làm thế nào để tạo ra một không gian đô thị hấp dẫn nhằm đưa ra được các chức năng đô thị đa dạng cũng như ổn định dân cư.

Đặc biệt, cùng với các chức năng đô thị đã được quy hoạch như ĐHQG và KCNC Hoà Lạc, những người trí thức có thu nhập tương đối cao và những giá trị nhận thức đa dạng dự kiến sẽ cư trú trong khu vực Hoà Lạc. Vì vậy, môi trường sống trong Khu vực cần phải đủ hấp dẫn để thu hút tầng lớp dân cư nói trên đến định cư. Trong kịch bản phát triển cơ bản có ba giai đoạn định hướng sau đây. Tuy nhiên, về mặt khủng hoảng kinh tế hiện thời và tình trạng tài chính khó khăn của Chính phủ, một “Kế hoạch Hành động” được lựa chọn nhằm giảm thiểu đầu tư vốn ban đầu sẽ được đệ trình lên Chính phủ xem xét.

#### 4.1.1 Kịch bản phát triển giai đoạn 1 (2000 đến 2010)

Giai đoạn 1, được xem như “giai đoạn khởi đầu” là giai đoạn đưa vào áp dụng một cách chiến lược các chức năng đô thị chủ yếu như ĐHQG, KCNC Hoà Lạc để bắt đầu và đặt dự án vào đúng quỹ đạo thực hiện. Thực tế là di chuyển ĐHQG và phát triển KCNC Hoà Lạc sẽ là “hai động cơ chính” để kéo dự án Phát triển theo hướng thực thi. Nói cách khác, dự án Phát triển phụ thuộc phần lớn vào việc đưa ra hai hạng mục này có thành công hay không.

Giai đoạn này có thể sẽ kéo dài tới năm 2010 và được chia làm 2 giai đoạn nhỏ hơn là giai đoạn 1A tới năm 2005 và giai đoạn 1B tới năm 2010. Giai đoạn 1A được coi là giai đoạn khởi động và giai đoạn 1B được gọi là giai đoạn tạo đà.

Trong giai đoạn 1A, ĐHQG sẽ di chuyển bốn trường đại học thành viên (trường đại học khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, đại học sư phạm và đại học ngoại ngữ) và thành lập mới 3 khoa (khoa công nghệ, khoa luật và khoa kinh tế) với tổng số sinh viên là 30.000 người. Trong khi đó, KCNC Hoà Lạc sẽ chủ yếu phát triển 5 khu vực đã lập quy hoạch (khu RvàD, KCNC, khu trung tâm, khu thương mại và dân cư) với 9.000 lao động trên diện tích 250ha.

## Phát triển Hành lang 21

Trong giai đoạn 1B tiếp theo, ĐHQG sẽ mở rộng một số khoa của mình (khoa nông lâm, dược, kiến trúc, quản lý nhà nước, chăm sóc sức khoẻ và dịch vụ xã hội, và khoa quan hệ quốc tế) với tổng số sinh viên là 40.000 người. Mặt khác, KCNC Hoà Lạc sẽ mở rộng quy mô của các khu để tăng số lao động lên tới 15.000 người với 550 ha.

Cùng với việc di chuyển ĐHQG và phát triển KCNC Hoà Lạc, các ngành xây dựng và dịch vụ cũng nổi lên ngay từ đầu giai đoạn này. Đặc biệt, nhu cầu xây dựng hàng loạt sẽ nhanh chóng lan ra các ngành công nghiệp xây dựng ở khu vực Xuân Mai và Miếu Môn. Giao lưu quốc tế sẽ trở thành một bộ phận không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế tương lai, và nhu cầu đối với giải trí và văn hoá sẽ tăng lên do thu nhập trên đầu người tăng và cơ chế làm việc 5 ngày càng trở nên phổ biến. Sơn Tây và Hồ Đồng Mô sẽ là trung tâm của các hoạt động văn hoá và giải trí.

Tuy nhiên, sự phát triển trong giai đoạn mang đặc thù là “phát triển độc lập” chủ yếu tập trung vào khu vực Hoà Lạc mà không nhất thiết phải liên kết chặt chẽ với Trung tâm Hà Nội hoặc các huyện khác trong Hành lang 21. Điều này cho thấy rằng những người đang sống trong khu vực Hoà Lạc sẽ cư trú và làm việc ngay tại đó mà không phát sinh nhu cầu lớn trong việc đi xe tuyến đến và về từ trung tâm Hà Nội. Mặc dù, đường cao tốc Láng Hoà Lạc sẽ được mở rộng thành bốn làn sau năm 2005, các phương thức giao thông khác như hệ thống vận tải đường sắt lớn có thể không cần thiết trong giai đoạn này.

Trong việc phát triển cơ sở hạ tầng thì cấp nước cho khu vực Hoà Lạc Xuân Mai có tầm quan trọng hàng đầu do bản chất không thể thiếu đối với phát triển đô thị cũng như mối liên quan về mặt tài chính và thời gian phát triển. Vì vậy, dự án cấp nước dự kiến ví dụ như sử dụng nguồn nước sông Đà cho dự án Phát triển cần phải được nghiên cứu gấp như là dự án độc lập để có nước sẵn sàng khi các chức năng đô thị trong khu vực đi vào hoạt động. Các cơ sở hạ tầng và công trình công cộng/cộng đồng khác sẽ được phát triển trên cơ sở phân kỳ, tùy thuộc vào nhu cầu nảy sinh trong quá trình Phát triển.

### 4.1.2 Kịch bản Phát triển Giai đoạn 2 (2010 đến 2020)

Giai đoạn 2 được coi như “**giai đoạn tăng trưởng**” là nhằm tạo đà phát triển để xây dựng một thành phố vệ tinh đa chức năng với các chức năng đô thị đa dạng, đông dân cư.

Giai đoạn này sẽ kéo dài đến năm 2020, cho đến khi hoàn thành việc xây dựng Hành lang 21 với tổng dân số là 600.000 người. Quy hoạch tổng thể ban đầu của Bộ Xây dựng lập kế hoạch 1 triệu dân vào cuối giai đoạn này nhưng Đoàn nghiên cứu giảm bớt quy mô.

## Phát triển Hành lang 21

Trong giai đoạn này, khu vực Hoà Lạc/Xuân Mai sẽ phát triển thành một thành phố 500.000 dân, với số dân tương ứng là 400.000 và 100.000 người. Tổng số sinh viên của ĐHQG sẽ tăng lên 60.000 trong khuôn viên đại học với diện tích khoảng 800ha và số lao động tăng đến 25.000 người với diện tích khoảng 800 ha. Hơn nữa, ngoài dự án KCNC Hoà Lạc, phát triển công nghiệp cũng lớn mạnh ở Phú Cát trong khu vực Hoà Lạc và Xuân Mai với tổng diện tích lên tới 600ha.

Trong giai đoạn này, vì các hoạt động kinh tế và xã hội sẽ phát triển mạnh trong Hành lang 21 nên cần tăng cường mối liên kết chủ yếu giữa khu vực Hoà Lạc/Xuân Mai và Trung tâm Hà Nội, sau đó tăng cường mối liên kết thứ yếu giữa khu vực Hoà Lạc và các huyện khác. Kết quả là, các ngành công nghiệp dịch vụ sẽ tập trung trong Hành lang 21 nói chung và trong khu vực Hoà Lạc nói riêng. Trung tâm đô thị ở Hoà Lạc sẽ trở thành hạt nhân của các ngành công nghiệp dịch vụ, thu hút nhiều du khách đến giao lưu văn hoá và quốc tế, thể thao, giải trí, các dịch vụ, y tế, phân phối cơ sở vật chất, thương mại và kinh doanh v.v.

Mối liên kết bền vững giữa khu vực Hoà Lạc Xuân Mai và trung tâm Hà Nội cuối cùng sẽ đòi hỏi phải có một hệ thống vận tải đường sắt (MRT). Ngược lại, có thể nói rằng, nếu không có một hệ thống vận tải đường sắt thuận tiện thì dự án Phát triển Hành lang 21 sẽ hạn chế tiềm năng của mình trong việc phát triển một thành phố vệ tinh đa chức năng. Có thể thấy rằng tình hình kinh tế của Việt Nam sau năm 2010 sẽ đủ khả năng đưa ra một hệ thống vận tải đường sắt lớn trên cơ sở tư nhân hoá. Hơn nữa, các mối liên kết giữa các thành phố trong Hành lang 21 cũng đòi hỏi một thống vận tải đường sắt mặc dù quy mô của nó có thể không quá lớn như đối với trung tâm Hà Nội.

Giai đoạn này sẽ phải đối mặt với những áp lực ngày càng tăng trong việc tiếp nhận dân số quá tải từ khu vực trung tâm Hà Nội cũng như những nhu cầu ngày càng tăng đối với các chức năng đô thị đa dạng bao gồm cả những chức năng phục vụ giao lưu quốc tế như khách sạn, phòng hội nghị, triển lãm quốc tế, điểm tham quan du lịch v.v. Do thu thập trên đầu người của người dân thủ đô sẽ dần dần tăng, cơ giới hoá sẽ diễn ra, khả năng thương lượng của người dân cũng tăng một mặt sẽ dẫn đến việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và mặt khác tạo ra nhu cầu nhà ở đa dạng. Dự án Phát triển Hành lang 21 sẽ đáp ứng một cách thích hợp những hoàn cảnh thay đổi này.

Trên thực tế, một trong những vấn đề cốt yếu chi phối sự phát triển trong giai đoạn này là làm thế nào để thiết lập thành công thị trường nhà ở nơi mà ngay cả những người có thu nhập từ trung bình đến thấp cũng có thể đủ tiền mua được nhà ở chất lượng. Trong bối cảnh này, cần thiết lập các chính sách nhà ở thích hợp nhằm hỗ trợ và nuôi dưỡng thị trường nhà ở lành mạnh vì thành phần nhà ở là chất kích thích quan trọng nền kinh tế vĩ mô. Đoàn nghiên cứu thấy rằng, đến cuối giai đoạn này, hơn 20.000 dân trong khu vực Hoà Lạc sẽ đi làm bằng xe tuyến đến trung tâm Hà Nội, điều này có nghĩa là



## **Phát triển Hành lang 21**

sẽ có số lượng người đáng kể sẽ bị hấp dẫn đến cư trú trong Khu vực kiểu như một thành phố ký cư ngụ.

### **4.1.3 Kịch bản Phát triển Giai đoạn 3 (sau năm 2020)**

Giai đoạn 3 được gọi là “giai đoạn chín muồi”. Trong giai đoạn này, sự phát triển sẽ trở nên chín muồi hướng theo hướng một thành phố vệ tinh bền vững với các chức năng đô thị đa dạng cũng như với các chức năng khu ở có chất lượng, hấp thụ bớt một lượng dân số quá tải của khu vực trung tâm Hà Nội.

Trong giai đoạn này, những phát triển trước đây sẽ được đổi mới và tái phát triển nhằm đáp ứng mọi nhu cầu thay đổi của dân cư, cảnh quan và môi trường của khu vực sẽ thoải mái và tiện lợi hơn phục vụ những ai sống, làm việc và hưởng thụ ở đó. Hành lang 21 sẽ trở thành “thành phố khoa học - sinh thái” nổi tiếng thế giới nơi thu hút nhiều người nước ngoài với các mục đích khác nhau. Trong giai đoạn này, một sân bay quốc tế sẽ được xây dựng ở Miếu Môn và một đường ô tô nối Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh sẽ cũng nối với Hành lang 21. Điều này chắc chắn sẽ là động lực thúc đẩy phát triển Hành lang 21.

Qua giai đoạn này, Hành lang 21 sẽ tiến gần tới thành phố một triệu dân với không gian đô thị cân bằng và chất lượng để thu hút mọi tầng lớp dân cư như các thể hệ khác nhau, nghề nghiệp khác nhau, mức thu nhập khác nhau, v.v.

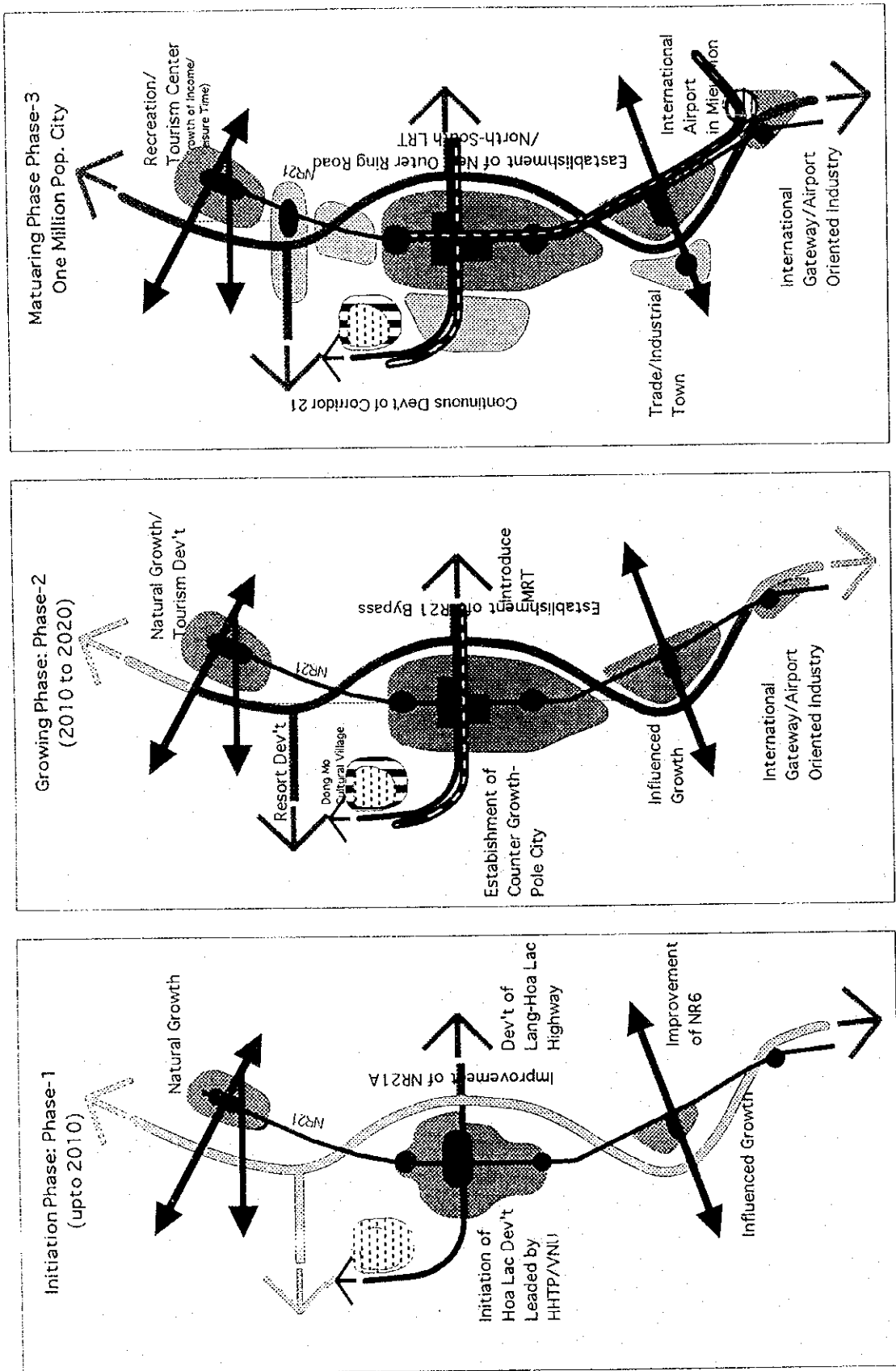
2010	2020
<p><b>GIAI ĐOẠN 1</b> <b>GIAI ĐOẠN KHỞI ĐẦU</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Chuẩn bị tiền thực thi về mặt pháp lý, tổ chức và lập pháp.</li> <li>● Chuẩn bị cơ sở hạ tầng chủ yếu bên trong và ngoài khu vực.</li> <li>● Đưa vào áp dụng các chức năng đô thị cơ bản và chiến lược như ĐHQG và KCNC Hoà Lạc để trở thành một thành phố mới tự chủ.</li> <li>● Hình thành một trung tâm đô thị hấp dẫn (Khu vực Trung tâm) và các công trình công cộng/cộng đồng khác chẳng hạn như nhà ở, trường học, bệnh viện, v.v</li> </ul>	<p><b>GIAI ĐOẠN 2</b> <b>GIAI ĐOẠN TĂNG TRƯỞNG</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Đưa vào sử dụng các chức năng đô thị đa dạng thông qua việc chia sẻ với Trung tâm Hà nội để tạo ra nhiều cơ hội việc làm phong phú hơn.</li> <li>● Nuôi dưỡng, thúc đẩy thị trường nhà ở sôi động và phát triển nhà hàng loạt.</li> <li>● Mở rộng phát triển theo đường thẳng trục Bắc - Nam dọc QL21A.</li> <li>● Phát triển hệ thống vận tải lớp nối với Trung tâm Hà nội để đảm bảo lưu thông thuận lợi.</li> <li>● Khống chế những phát triển hướng ngoại để duy trì được ý tưởng về một thành phố vườn.</li> <li>● Tổ chức các sự kiện quốc tế</li> </ul>
	<p><b>GIAI ĐOẠN 3</b> <b>GIAI ĐOẠN CHÍN MUỘI</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Đổi mới và tái phát triển một phần những phát triển của giai đoạn 1 và 2 để đối phó với các nhu cầu và hoàn cảnh có nhiều biến đổi.</li> <li>● Chuẩn bị môi trường sống có chất lượng chẳng hạn như khu ở có chất lượng của Khu vực Thủ đô Hà nội.</li> <li>● Đảm nhiệm các chức năng trung tâm để thực sự trở thành trung tâm quốc gia về thúc đẩy nguồn nhân lực, khoa học và kỹ thuật, giao lưu văn hoá, được công nhận và hoạt động trên cơ sở quốc tế</li> <li>● Những ảnh hưởng lan toả đến nền kinh tế khu vực trong đó có toàn bộ Hành lang 21.</li> </ul>

**Ghi chú:** Đường gấp khúc thể hiện xu hướng gia tăng dân số dự kiến ở Hành lang 21 và Hành lang 21 dự kiến sẽ cơ bản hoàn thành vào năm 2020 với số dân là 600.000 người mặc dù có thể không đạt được mức một triệu dân.

**Hình 4.1.1 Kịch bản phát triển không gian của Dự án Phát triển Hành lang 21**

Hình 4.1.2 thể hiện kịch bản phân bố tăng trưởng của Hành lang 21. Như đã minh họa, các huyện hiện có của Sơn Tây, Xuân Mai và Miếu Môn sẽ lớn mạnh dưới hình thức “mở rộng”, tập trung quanh các khu vực đã đô thị hoá và cộng đồng hiện tại, trong khi đó, Hoà Lạc sẽ “phát triển mới” dần dần ảnh hưởng lan truyền đến các huyện khác. Tuy nhiên giả thiết là các ảnh hưởng lan truyền này giữ ở mức độ vừa phải cho đến khi việc phát triển Hoà của Hoà Lạc trở thành trọng yếu và đáng chú ý.

Phát triển Hành lang 21



Hình 4.1.2 Kịch bản phân bố tăng trưởng của Dự án Phát triển Hành lang 21

## 4.2 Quy mô kinh tế xã hội

### 4.2.1 Quy mô Kinh tế

#### (1) GDP

##### 1) GDP năm 2020

Vào cuối những năm 90, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được sự tăng trưởng rất nhanh. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giữ vai trò quan trọng như một chất xúc tác. Trong tương lai gần, yếu tố then chốt của nền kinh tế Việt Nam sẽ là FDI, vì vậy cần phải có những biện pháp thúc đẩy FDI. Mặt khác, các nhà đầu tư vào Việt Nam từ trước đến nay chủ yếu là Pháp, Mỹ và các nước châu á là những nước hiện nay đang phải đối phó với những khó khăn về kinh tế. Để dự tính sự tăng trưởng kinh tế, Đoàn nghiên cứu đề xuất kịch bản sau đây.

Kịch bản lạc quan nhất là như sau:

- Cuộc khủng hoảng kinh tế đang bao trùm lên các nước láng giềng sẽ kết thúc trong vòng vài năm tới nhờ có sự hợp tác quốc tế và việc áp dụng các chính sách đúng đắn của từng chính phủ, và sau đó tính năng động của châu á sẽ lại được thể hiện.
- Sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2000 gần đạt mục tiêu của mình hoặc vẫn duy trì hiện trạng. Từ năm 2000 trở đi, nền kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi và đi vào quỹ đạo tăng trưởng nhanh hơn cùng với sự mở rộng luồng vào của FDI.
- Về FDI, thành phần chính sẽ là sản xuất. Đầu tư cho các ngành dịch vụ sẽ tăng.
- Sự tăng trưởng kinh tế gây ra sự thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp. Tỷ lệ của thành phần thứ nhất trên GDP do đó sẽ bị giảm rất nhanh và thành phần thứ hai sẽ là động lực quan trọng hàng đầu đối với nền kinh tế. Với việc mở rộng thành phần thứ hai, mức thu nhập sẽ tăng lên và sau cùng là sức mua được tạo đà nhờ thu nhập tăng sẽ giúp thành phần kinh tế thứ ba phát triển.

Mặt khác, kịch bản bi quan nhất là như sau:

- Nền kinh tế của các nước châu á không thể phục hồi cho đến năm

## Phát triển Hành lang 21

2005 do bị hậu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra quá lâu.

- Nguồn vào của FDI chậm sẽ làm mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chậm lại.
- Sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng ít nhất kéo dài đến năm 2005, sau đó sẽ thấy tín hiệu phục hồi.
- Nền kinh tế Việt Nam sẽ trở lại quỹ đạo phát triển của mình vào năm 2010.

Dạng kịch bản thứ ba là kịch bản phát triển trung gian. Sự khác biệt giữa các kịch bản này là việc xem xét giai đoạn khủng hoảng tài chính/kinh tế và giai đoạn hậu ảnh hưởng. Nói cách khác là việc nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh trở lại là rất quan trọng. Đối với trường hợp lạc quan thì là năm 2000, đối với trường hợp bi quan thì là năm 2010. Vì thế, kịch bản thứ ba có thể là năm 2005. Đoàn nghiên cứu đã dự đoán GDP trong từng giai đoạn, kết quả của việc dự đoán này được tổng kết trong bảng sau.

**Bảng 4.2.1 Ước tính GDP**

	1997	2000	2005	2010	2015	2020
GDP(c.'97)	295,700	372,492	573,125	902,235	1,453,059	2,340,166
Tỷ đồng VN		362,240	520,043	764,114	1,175,683	1,893,450
		352,179	471,295	661,015	971,248	1,564,204
GDP trên đầu người (nghìn đồng VN)	3,854.8	4,623.8	6,576.3	9,667.1	14,667.4	22,512.4
		4,496.5	5,967.2	8,187.2	11,875.6	18,215.0
		4,371.6	5,407.8	7,082.6	9,810.6	15,047.7
Tỷ lệ tăng trưởng GDP	8.8%	8.0%	9.0%	9.5%	10.0%	10.0%
		7.0%	7.5%	8.0%	9.0%	10.0%
		6.0%	6.0%	7.0%	8.0%	10.0%
Dân số	76,710	80,560	87,150	93,330	99,000	103,950

Ghi chú: GDP trên đầu người được biểu thị như giá bất biến trong năm 1997. GDP trên đầu người được chọn sẽ nhiều hơn khoảng 2 lần so với giá bất biến. Dân số (đơn vị: nghìn người) áp dụng ở mức trung bình.

Nguồn: Đoàn Nghiên cứu.

Quy mô của GDP vào năm 2020 sẽ lớn hơn 5-8 lần so với năm 1997. Ở đây đoàn nghiên cứu sử dụng các trường hợp trung bình là GDP.

### 2) GDP trên đầu người

GDP trên đầu người trong năm 2020 sẽ gấp 5 lần so với năm 1997. Tuy nhiên, đây vẫn là mức rất thấp nếu tính theo đồng Đô la. Giả sử tỷ giá hối đoái được giữ nguyên vào thời điểm giữa năm 1998, 1 đô la Mỹ đổi được 13.900 đồng Việt Nam, thì GDP trên đầu người vào năm 2020 sẽ là 1,310

đô la Mỹ. Cuối cùng, giá ổn định sẽ giảm ý nghĩa của nó do cơ sở để đánh giá cũng sẽ thay đổi. Chỉ số thu nhập trên đầu người sẽ được tính vào khoảng 2.580 đô la Mỹ vào năm 2010. Nói chung, tỷ lệ lạm phát sẽ cao hơn khi tỷ lệ tăng trưởng mạnh vì thế chỉ số thu nhập đầu người trong trường hợp tăng trưởng mạnh có thể vào khoảng 4.500 đô la.

### 3) Cơ cấu kinh tế

Mặc dù thành phần kinh tế thứ nhất chỉ đạt được mức tăng trưởng khiêm tốn, tỷ lệ trên GDP sẽ giảm dần trong thời gian thực hiện dự án và đạt 16,5% vào năm 2010 và 11% vào năm 2020. Mặt khác, thành phần thứ hai sẽ đạt mức khoảng 10% hoặc hơn và tỷ lệ trên GDP đạt 40% vào năm 2010 và 43,5% trong năm 2020. Đối với thành phần thứ ba, trong thời gian đầu của dự án, tỷ lệ tăng trưởng sẽ tương đối khiêm tốn và sau đó sẽ tăng đáng kể và tỷ lệ trên GDP sẽ là 43,5% vào năm 2010 và 45,5% vào năm 2020. Vào năm 2020, khu vực này sẽ được công nghiệp hoá. Thành phần thứ nhất, đặc biệt là nông nghiệp sẽ không còn giữ vai trò dẫn đầu những vẫn là một thành phần quan trọng.

**Bảng 4.2.2 Cơ cấu kinh tế**

		1997	2000	2005	2010	2020
Thứ nhất	Số tiền (Tỷ đồng)	76,028	86,938	104,009	126,079	208,280
	Tỷ lệ (%)	25.7%	24.0%	20.0%	16.5%	11.0%
	Tăng trưởng (%)	-	4.6%	3.7%	3.9%	5.1%
Thứ hai	Số tiền (Tỷ đồng)	93,849	123,162	195,016	305,646	823,655
	Tỷ lệ (%)	31.7%	34.0%	37.5%	40.0%	43.5%
	Tăng trưởng (%)	-	9.5%	9.6%	9.4%	10.4%
Thứ ba	Số tiền (Tỷ đồng)	125,819	152,141	221,018	332,390	861,524
	Tỷ lệ (%)	42.6%	42.0%	42.5%	43.5%	45.5%
	Tăng trưởng (%)	-	6.5%	7.8%	8.5%	10.0%

Ghi chú: Mức tăng trưởng thể hiện tỷ lệ tăng trưởng trung bình hàng năm.

Nguồn: Đoàn nghiên cứu dự tính.

## (2) Cơ cấu kinh tế trong khu vực đồng bằng sông Hồng & khu vực thủ đô Hà Nội

### 1) Khu vực đồng bằng sông Hồng

Do số liệu của khu vực trong một số giai đoạn còn hạn chế, Đoàn nghiên cứu sử dụng sản lượng của các thành phần kinh tế như biến số đối với yếu tố để tính GRDP và cấu trúc kinh tế trong khu vực ĐBSH. Đối với GDP quốc dân, đoàn nghiên cứu ước tính GDP trước hết dựa trên bối cảnh kinh tế và tính GDP như là cơ sở để phân phối cho các thành phần kinh tế.

## Phát triển Hành lang 21

Phương pháp tính toán cho khu vực, ngược lại lại chấp nhận cơ cấu kinh tế đã được dự tính trước & sau đó tính thu nhập khu vực sau. Trong tính toán, tỷ lệ của từng tỉnh trong từng biến số như là sản lượng nông nghiệp của tỉnh trên sản lượng của thành phần kinh tế thứ nhất, sản lượng công nghiệp trên tổng sản lượng của thành phần thứ hai & lượng bán lẻ đối với thành phần thứ ba trên toàn quốc đã được tính toán. Tỷ lệ trên sản lượng toàn quốc được giả sử là ổn định. Yếu tố GDP của toàn quốc được phân chia theo cơ cấu. Vì vậy, GRDP dự tính trong từng nhóm tỉnh là tương đối khiêm tốn hoặc cơ cấu khu vực là tương đối ổn định. GRDP và cơ cấu kinh tế trong khu vực ĐBSH được tổng kết trong bảng sau.

**Bảng 4.2.3 GRDP và cơ cấu kinh tế trong khu vực Đồng bằng sông Hồng**

	2000	2005	2010	2020
GRDP (tỷ đồng)	65,724	94,170	138,018	339,929
Thứ nhất (như trên)	17,006	20,384	24,733	40,837
Thứ hai (như trên)	21,973	34,858	54,685	147,287
Thứ ba (như trên)	26,745	38,928	58,600	151,804
Thứ nhất (%)	25.9%	21.6%	17.9%	12.0%
Thứ hai (%)	33.4%	37.0%	39.6%	43.3%
Thứ ba (%)	40.7%	41.3%	42.5%	44.7%
Tỷ lệ tăng trưởng GRDP	6.9%	7.5%	7.9%	9.4%
GRDP trên đầu người*	4,679	6,198	8,482	18,756

Ghi chú: Do số liệu cung cấp trong khu vực ĐBSH còn hạn chế, diện tích bao phủ của ĐBSH trong ước tính dân số không khớp so với diện tích trong ước tính GRDP. Trong phần này, khu vực ĐBSH bao gồm các tỉnh sau: Hà Nội, Hải Phòng, Hà Tây, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình. G.R là từ viết tắt của tỷ lệ tăng trưởng. Tỷ lệ tăng trưởng được chỉ ra trong ô năm 2000 là tỷ lệ trung bình hàng năm trong giai đoạn 1997-2000. Số dân được sử dụng cho việc tính toán GRDP trên đầu người sẽ được phân bổ theo cấu trúc dân cư hiện thời.

\*: Đơn vị được dùng là nghìn VND trên đầu người

Nguồn: Đoàn Nghiên cứu dự tính.

### 2) Khu vực Thủ đô Hà Nội

Khu vực thủ đô Hà Nội bao trùm khoảng 7.800 km<sup>2</sup>, tuy nhiên, khu vực trọng điểm là đô thị. Trong QH tổng thể khu vực Hà nội các hoạt động kinh tế dự kiến tương yếu, trừ thành phố Hà Nội, được thể hiện rõ qua cơ cấu kinh tế của nó. Việc ước tính cơ cấu kinh tế trong khu vực thủ đô Hà Nội nhằm lập ra khuôn khổ kinh tế trong Hành lang 21. Do số liệu kinh tế tập trung trong khu đô thị không có sẵn ít nhất trong các ấn phẩm đã xuất bản nên Đoàn nghiên cứu một lần nữa sử dụng số liệu Hà nội như biến số.

## Phát triển Hành lang 21

GRDP dự kiến của Hà Nội sẽ tương đương với khu vực đô thị của Hà Nội. Cơ sở của các giả thiết này là như sau:

- Mục tiêu của Quy hoạch tổng thể khu vực thủ đô Hà Nội là phân bố dân cư ước tính tập trung ở Hà Nội.
- Số liệu ước tính của GRDP ở Hà Nội trừ các dự án trong Quy hoạch tổng thể khu vực thủ đô Hà Nội sẽ được coi là kết quả của các hoạt động kinh tế của dân cư ước tính ở trên.

Những giả thuyết trên đây không chú ý đến ảnh hưởng dao động sống từ sự phát triển của các dự án trong Quy hoạch khu vực thủ đô Hà Nội. Vì vậy, GRDP sau đây có thể được tham khảo. GRDP và GRDP trên đầu người trong khu vực thủ đô Hà Nội được tổng kết trong bảng sau.

**Bảng 4.2.4 Cơ cấu kinh tế trong khu vực thủ đô Hà Nội**

	2005	2010	2020
GRDP (tỷ đồng Việt Nam)	38,211	57,629	151,654
Thứ nhất ( như trên )	1,188	1,982	531
Thứ hai (như trên)	15,338	25,933	69,230
Thứ ba (như trên )	21,685	29,714	81,893
Thứ nhất ( % )	3.11%	3.44%	0.35%
Thứ hai ( % )	40.14%	45.00%	45.65%
Thứ ba ( % )	56.75%	51.56%	54.00%
Tỷ lệ tăng trưởng GRDP	8.0%	8.6%	10.2%
GRDP trên đầu người*	15,855	16,367	32,042

Nguồn: Đoàn nghiên cứu ước tính trên cơ sở điều chỉnh Quy hoạch Tổng thể cho Thủ đô Hà Nội tới năm 2020 của UBND Thành phố Hà Nội/Bộ Xây dựng.

### (3) Quy mô kinh tế của Dự án Hành lang 21

Dựa trên cơ cấu kinh tế và GRDP trên đầu người trong Quy hoạch Tổng thể khu vực thủ đô Hà Nội, quy mô kinh tế trong Dự án Hành lang 21 được tiến hành theo kịch bản sau đây:

- Bước đầu tiên trong sự phát triển của Hành lang 21 ở giai đoạn đầu này sẽ là viện R&D và các học viện, các ngành công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ, xây dựng & các dịch vụ có liên quan. Tỷ lệ của các thành phần thứ cấp do đó tương đối cao.
- Các thành phần thứ nhất chiếm vị trí ổn định cho đến giữa kỳ và sau đó tỷ lệ đối với GRDP giảm đáng kể.
- Các thành phần vùng sẽ đi theo sau trừ các viện R&D & công nghiệp phần mềm. Tỷ lệ đối với GRDP do đó sẽ thấp.
- Cơ cấu kinh tế trong năm 2020 sẽ phức tạp và năng suất đạt được trong từng thành phần sẽ cao nhất trên toàn quốc.



## Phát triển Hành lang 21

Với kịch bản và số lao động được ước tính trong phần trước, Đoàn nghiên cứu tiến hành thiết lập khuôn khổ kinh tế trong Hành lang 21. Trong giai đoạn đầu, các thành phần có năng suất thấp như các thành phần nông nghiệp hiện thời vẫn chiếm một tỷ lệ tương đối lớn. Do đó, GRDP trên đầu người tương đối thấp hơn so với của Hà Nội. Giai đoạn tiếp theo được xác định là giai đoạn mở rộng cho các thành phần thứ hai và thứ ba chiếm 10% và tỷ lệ tăng trưởng và quy mô của GRDP trong công nghiệp cũng tăng gần gấp đôi. GRDP trên đầu người vượt trên Hà Nội chậm nhất là vào năm 2020. Quy mô kinh tế chỉ tiêu trong sự phát triển của Hành lang 21 được tổng kết trong bảng sau.

**Bảng 4.2.5 Quy mô kinh tế ở Hành lang 21**

	2005	2010	2020
GRDP (tỷ đồng VN)	2,608	5,185	26,949
Thứ nhất (như trên)	287	461	135
Thứ hai (như trên)	1,134	2,309	13,340
Thứ ba (như trên)	1,187	2,415	13,474
Thứ nhất (%)	11.0%	8.90%	0.50%
Thứ hai (%)	43.5%	44.53%	49.50%
Thứ ba (%)	45.5%	46.57%	50.00%
GRDP trên đầu người*	9,513	13,094	33,644

Nguồn: Đoàn nghiên cứu ước tính.

### 4.2.2 Dân số

#### (1) Toàn quốc

Việt Nam có dân số vào khoảng 76 triệu người năm 1997. Tỷ lệ tăng dân số trong đầu những năm 90 trên 2%, tuy nhiên tỷ lệ này đã dần dần giảm từ năm 1992 sau khi đã lên tới đỉnh điểm là 2,4%. Năm 1997 đã đạt tỷ lệ tăng trưởng mục tiêu là 1,8% sau khi áp dụng các chương trình kế hoạch hoá mỗi gia đình chỉ nên có một đến hai con. Đặc điểm phân bố dân số ở Việt Nam là dân số tập trung nhiều ở nông thôn với tỷ lệ ổn định là 80% tổng số. Tuy nhiên, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phân bố dân số sẽ chuyển từ nông thôn ra thành phố. Ít nhất là có 3 lý do gia tăng tình trạng di cư từ nông thôn ra thành phố:

- Khó mở rộng khả năng duy trì dân số ngày càng tăng ở vùng nông thôn.
- Sự khác biệt về thu nhập giữa nông thôn và thành phố ngày càng tăng.
- Sự tăng trưởng của các thành phần công nghiệp mũi nhọn và dịch vụ đòi hỏi lực lượng lao động đông đảo hơn.

Kịch bản dự đoán dân số cơ bản là như sau:

- Tổng số dân sẽ dần dần tăng lên nhưng tỷ lệ tăng trưởng sẽ giảm.

- Dân số đô thị sẽ tăng đáng kể và tỷ lệ dân số đô thị sẽ đạt mức ngang bằng với các nước ASEAN khác.

Từ việc xem xét lại bản nghiên cứu hiện có, dự đoán dân số được tóm tắt trong bảng sau.

**Bảng 4.2.6 Dân số**

(1000 người)

	1995	1996	2000	2005	2010	2015	2020
Trường hợp 1	73,962	75,355	80,863	87,781	94,669	101,485	108,189
Tăng trưởng cao (%)	2.0	1.9	1.80	1.66	1.52	1.40	1.29
Trường hợp 2			80,560	87,151	93,326	99,000	103,951
Tăng trưởng TB (%)			1.72	1.59	1.38	1.19	0.98
Trường hợp 3			79,678	84,784	89,109	93,654	98,432
Tăng trưởng thấp (%)			1.50	1.25	1.00	1.00	1.00

Ghi chú: Hàng dưới của mỗi trường hợp thể hiện tỷ lệ tăng trưởng trung bình hàng năm. Trong các Quy hoạch Phát triển Tỉnh Hà Tây hiện nay, dân số của cả nước được giả sử là khoảng 95 triệu vào năm 2010 - tương tự như trường hợp 1.

Nguồn: Trường hợp 1 được tính toán dựa trên ước tính của Tổng cục Thống kê được điều chỉnh trong năm gần đây. Trường hợp 2 là dự đoán của Tổng cục thống kê. Trường hợp 3 là dự đoán KCNC Hoà Lạc của JICA.

Dân số đô thị được ước tính trên cơ sở sự đoán dân số đô thị và tổng dân số của Viện quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia trực thuộc Bộ Xây dựng. Viện này tiến hành dự đoán vào năm 1992 và không tính luồng vào ra về mặt xã hội. Trong phần dự đoán này, để tính được số dân di trú, chênh lệch giữa số liệu ước đoán trong năm 1995 và dân số thực trong năm này được giả sử là số dân di cư. Với giả thiết này, những số liệu ước tính đối với thế hệ trẻ có thể là quá lớn do cơ cấu di trú được giả sử giống như trong giai đoạn trước đó. Dân số đô thị trong năm 2020 được dự đoán là vào khoảng 32 triệu hoặc 30% trong tổng số. Kết quả được tổng kết trong bảng sau:

**Bảng 4.2.7 Dân số đô thị của Việt Nam**

	(1,000 người)					
	1995	2000	2005	2010	2015	2020
Tổng	14,575.4	17,387.7	20,438.1	23,867.0	27,703.7	31,979.1
Nam	7,068.2	8,492.6	10,038.6	11,775.4	13,719.0	15,890.8
Nữ	7,507.2	8,895.1	10,399.6	12,091.7	13,984.6	16,088.3
Tỷ lệ U*	19.7%	21.6%	23.5%	25.6%	28.0%	30.1%

Ghi chú: Đơn vị là nghìn người. \*; Tỷ lệ U là viết tắt của tỷ lệ dân số đô thị và được tính cho trường hợp 2.

Nguồn: Đoàn nghiên cứu ước tính dựa trên dự đoán của Viện quy hoạch đô thị và nông thôn.

## (2) Khu vực Đồng bằng sông Hồng

Dân số, đặc biệt là dân số đô thị trong Khu vực Đồng bằng sông Hồng là một trong những cơ sở cho việc chứng minh tính đúng đắn của dự án. Để ước tính được dân số của Đồng bằng sông Hồng, đoàn nghiên cứu bắt đầu xem lại Quy hoạch Tổng thể Khu vực Đồng bằng sông Hồng đệ trình năm 1995. Dân số của Khu vực Đồng bằng sông Hồng năm 1993 ước tính vào khoảng 17 triệu, chiếm 24% so với cả nước. Tỷ lệ dân số đô thị là 16,7%, hơi ít so với tỷ lệ trung bình trên toàn quốc là 19,2%. Tỷ lệ dân số đô thị trong từng tỉnh cũng rất khác nhau. Tỷ lệ của Hà Nội là 51%, của Quảng Ninh là 48%, Hải Phòng là 34%. Trong các tỉnh còn lại, tỷ lệ này ít hơn 10% trừ Nam Hà và Vinh Phú (Tuy nhiên, cả hai tỉnh này chỉ có 11,6% và 11,4% tương ứng) và tỷ lệ của Hà Tây chỉ là 6,3% trong năm 1993. Dân số ước tính được tổng kết trong bảng sau.

**Bảng 4.2.8 Dân số của khu vực Đồng bằng sông Hồng năm 1993**

	Dân số ('000)	Đô thị ('000)	Nông thôn ('000)	Tỷ lệ đô thị (%)	Mật độ dân số	Diện tích (km <sup>2</sup> )
Hà Nội	2,155	1,106	1,049	51.32	2,341	921
Hải Phòng	1,584	532	1,052	33.59	1,053	1,504
Hải Hưng	2,658	137	2,521	5.15	1,042	2,551
Hà Tây	2,218	140	2,078	6.31	1,033	2,147
Nam Hà	2,586	299	2,287	11.56	1,038	2,492
Ninh Bình	840	70	770	8.33	605	1,388
Thái Bình	1,768	102	1,666	5.77	1,172	1,509
Hà Bắc	1,620	103	1,517	6.36	1,000	1,620
Quảng Ninh	480	232	248	48.33	444	1,080
Vinh Phúc	1,141	130	1,011	11.39	796	1,433
Tổng	17,050	2,851	14,199	16.72	1,024	16,645

Ghi chú: Khu vực Đồng bằng sông Hồng trong bảng này bao gồm 3 tỉnh: Hà Bắc, Quảng Ninh và Vinh Phú, được phân là thuộc khu vực đông bắc trong Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê. Hải Hưng, Nam Hà và Hà Bắc được chia thành các tỉnh tương ứng trong những năm gần đây.

Nguồn: Quy hoạch Tổng thể Khu vực Đồng bằng sông Hồng, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, 1995

Để có thể ước tính được dân số của Đồng bằng sông Hồng, Đoàn nghiên cứu giả

sử rằng tỷ lệ dân số của đồng bằng sông Hồng so với cả nước không thay đổi trong suốt thời kỳ lập dự tính. Giả thiết này là tương đối chặt chẽ và kết quả có thể thấp hơn mức dự tính. Có một số ước tính liên quan đến dân số khu vực đồng bằng sông Hồng, người di cư và dân số đô thị trong Quy hoạch tổng thể Đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, Đoàn nghiên cứu bác bỏ những ước tính này vì cả tổng dân số và tỷ lệ tăng trưởng dân số tự nhiên đều khá lớn. Tỷ lệ tăng trưởng dân số tự nhiên mà được xác định bằng cách lấy tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của tổng dân số trừ đi dân di cư, ước tính là 3,9% trong giai đoạn 1993-2000, 1,9% trong giai đoạn 2001-2010 và 1,65% trong giai đoạn 2011-2020. Đối với dân số đô thị, tỷ lệ giữa dân số đô thị với tổng dân số cũng còn quá cao. Trong Quy hoạch Tổng thể khu vực đồng bằng sông Hồng, tỷ lệ dân số đô thị được ước tính là 47,9% trong năm 2020. Đối với Hà Nội, ước tính dân số là khoảng 7,2 triệu. Khó có thể coi diện tích đất trung bình trên đầu người là 128 m<sup>2</sup>. Trong trường hợp này, số bị chia là toàn bộ khu vực Hà Nội kể cả mặt nước, núi, diện tích sử dụng công cộng v.v.

Về dân số đô thị, Đoàn Nghiên cứu ước tính tương tự như của các nước láng giềng là 35%. Căn cứ vào giả sử trên đây, dân số của Khu vực Đồng bằng sông Hồng trong năm 2020 là vào khoảng 24-26 triệu và dân số đô thị khoảng 8-9 triệu. Dự đoán tổng dân số và dân số đô thị của Khu vực Đồng bằng sông Hồng được tổng kết trong bảng sau:

**Bảng 4.2.9 Dân số dự kiến của Đồng bằng sông Hồng**

(000 người)

	1993	2000	2005	2010	2015	2020
<b>Tổng số dân</b>						
Trường hợp cao	17.050	19.407	21.067	22.721	24.356	25.965
Trường hợp TB		19.334	20.916	22.398	23.760	24.948
Trường hợp thấp		19.123	20.348	21.386	22.477	23.624
<b>Dân số đô thị</b>						
Tỷ lệ đô thị	16%	23%	26%	29%	32%	35%
Trường hợp cao	2.851	4.464	5.477	6.589	7.794	9.088
Trường hợp TB		4.447	5.438	6.495	7.603	8.732
Trường hợp thấp		4.398	5.290	6.202	7.193	8.268

Ghi chú: 1) Mỗi trường hợp tương ứng với trường hợp dự đoán của cả nước. Giả sử rằng sự đô thị hoá phát triển theo đường thẳng.

Nguồn: Đoàn Nghiên cứu.

### (3) Dân số đô thị ở Khu vực Thủ đô Hà Nội

Do Dự án Hành lang 21 là một hạng mục trong Quy hoạch Tổng thể Khu vực Thủ đô Hà Nội đến năm 2020, cần phải đánh giá dân số đô thị của Khu vực Thủ đô Hà Nội ước tính trong Quy hoạch Tổng thể 4,5 đến 5 triệu người. Dựa trên cơ sở ước tính dân số đô thị của Đồng bằng sông Hồng thì có thể xác nhận khả năng của số dân đô thị. Khu vực Thủ đô Hà

## Phát triển Hành lang 21

Nội bao gồm Hà Nội và 4 tỉnh xung quanh là Hà Tây, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và Hưng Yên. Hai tỉnh sau mới được thành lập. Dân số đô thị trong Khu vực Thủ đô Hà Nội trong năm 1993 là khoảng 1,6 triệu. Tỷ lệ dân số đô thị giữa Khu vực Thủ đô Hà Nội và Đồng bằng sông Hồng là khoảng 56%. Nếu tỷ lệ 56% này giữ nguyên trong suốt giai đoạn thì dân số đô thị của Khu vực Thủ đô Hà Nội trong năm 2020 tính được là 4,6 - 5,1 triệu người. Dân số đô thị chỉ tiêu trong Quy hoạch Tổng thể Khu vực Thủ đô Hà Nội được xác nhận bằng kết quả.

**Bảng 4.2.10 Dân số đô thị ước tính ở Khu vực Thủ đô Hà Nội**

	1993	2000	2005	2010	2015	2020
Trường hợp cao	1.604	2.500	3.067	3.690	4.365	5.089
Trường hợp trung bình		2.490	3.045	3.637	4.258	4.890
Trường hợp thấp		2.463	2.962	3.473	4.028	4.630

Nguồn: Đoàn nghiên cứu.

### (4) Qui mô dân số

Trong quy hoạch tổng thể của Bộ xây dựng, Hành lang 21 được phân bổ dân số một triệu người tương tự như Quy hoạch tổng thể khu vực thủ đô Hà Nội. Kế hoạch tăng dân số lên được tóm tắt trong bảng 4.2.11.

**Bảng 4.2.11 Quy mô dân số theo Bộ xây dựng**

Tên huyện	1996	2005	2010	2020
1. Sơn Tây	40.000	60.000	80.000	100.000
2. Hoà Lạc	44.000	150.000	420.000	670.000
3. Xuân Mai	35.000	60.000	90.000	170.000
4. Mieu Môn	1.000	5.000	10.000	30.000
5. Dự phòng		10.000	20.000	30.000
Tổng số dân	120.000	285.000	620.000	1.000.000

Nguồn: Viện QH Đô thị và Nông thôn/ Bộ xây dựng

Chú thích: Không tính đến lực lượng quân đội

The quy mô dân số của Bộ xây dựng, có một số câu hỏi và vấn đề cần giải quyết:

- Có thể bắt đầu phát triển bốn khu vực song song không?
- Khi áp lực dân số từ Hà Nội vẫn còn ít trong giai đoạn khởi đầu, phải chuẩn bị cho sự thu hút các người di dân tiềm năng của đô thị mới và phải nơi có thể có được cuộc sống tốt hơn ở Hà Nội cho họ.
- Có thể tại ra nhiều việc làm hơn trong giai đoạn khởi đầu là một trong những sự hấp dẫn của đô thị mới không?
- Dự án có thể không bị ảnh hưởng khi nền kinh tế Việt Nam bị phát triển chậm lại do khủng hoảng kinh tế của các nước láng giềng không?

Sau khi đánh giá cẩn thận các vấn đề trên, Đoàn Nghiên cứu xác định quy mô dân số như sau:

## Phát triển Hành lang 21

- Người đi làm ở Hà nội sẽ rất ít trong giai đoạn đầu.
- Di dân tới Hành lang 21 sẽ không đáng kể nếu không có việc làm.
- Khủng hoảng sẽ ảnh hưởng tới tái xây dựng Dự án gây ra sự trì hoãn tạo công ăn việc làm và khó khăn tài chính.
- Quy mô dân số sẽ được tái xây dựng trên cơ sở xem xét các quy hoạch cho Dự án hiện có.

Mức dân số chỉ tiêu một triệu người của Bộ xây dựng phải được chấp nhận tuy nhiên năm chỉ tiêu đạt được mức dân số kế hoạch sẽ bị chậm lại.

Một trong những mục đích của phát triển trong dự án Hành lang 21 là hình thành lên nơi có thể thu hút một phần dân số gia tăng ở Hà nội. Do hệ thống vận tải lớn giữa Hà nội và Hành lang 21 vẫn còn chặng đường dài trong tương lai (ít nhất sau năm 2010) sự di lại giữa hai vùng này là ít. Điều đó chỉ ra rằng trong Dự án Hành lang 21, cần có tình trạng “người theo việc”. Trong bối cảnh đó, lập quy mô dân số bằng với sự tạo cộng ăn việc làm.

Trên cơ sở xem xét các quy hoạch hiện có, tạo công ăn việc làm trong từng hạng mục được trình bày trong Bảng 4.2.12

**Bảng 4.2.12 Lượng lao động**

	Giai đoạn-1A	Giai đoạn-1B	Giai đoạn-2
ĐHQG	7.100	9.900	14.700
KCNC Hoà Lạc	9.000	15.000	25.000
Sản xuất	12.000	24.000	60.000
Xây dựng	12.000	19.400	32.900
Dịch vụ	10.000	18.000	45.000
Hiện có	31.600	31.600	31.600
Người đi làm ở Hà nội	-	-	22.000
Tổng số	81.700	117.900	231.200

Nguồn: Đoàn nghiên cứu ước tính trên cơ sở xem xét các quy hoạch hiện có

Chú thích: Những người đi làm ở Hà nội là đối tượng cư trú tính cho sự phát triển của giao thông vận tải lớn

Trên cơ sở lượng lao động, tính tổng số dân của Dự án Hành lang 21 với giả định về số lượng người trung bình một gia đình. Kết quả được tóm tắt trong Bảng 4.2.13.

**Bảng 4.2.13 Dân số ở Hành lang 21**

	Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn
Tổng số dân	231.500	322.000	594.000
Sơn Tây	50.000	60.000	90.000
Hoà Lạc	135.000	205.000	400.000
Xuân Mai	45.000	55.000	100.000
Miếu Môn	1.500	2.000	4.000